

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 52 ra ngày 29/12/2025

Trong số này: Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng

Thông tin Thương mại và Truyền thông

655 Phạm Văn Đồng – P.Nghĩa Đô – Hà Nội

Bộ phận biên tập:

ĐT: 0986836889

Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:

Tel: (024) 37152586

(024) 37152585

(024) 37152584

Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	4
Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới thị trường Canada chiếm 86,9% ...	4
Kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén sang Nhật Bản tăng mạnh.....	10
Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....	12
Nhu cầu phục hồi, nhập khẩu gỗ thông được dự báo tiếp tục tăng trong nửa đầu năm 2026.....	15
Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....	19
Năm 2025, xuất khẩu gổm sứ mỹ nghệ ước đạt hơn 190 triệu USD ..	21
Xuất khẩu mặt hàng gổm sứ mỹ nghệ trong kỳ.....	24
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	26
Báo cáo GTI tháng 11/2025: Nguồn cung nguyên liệu thô thắt chặt tại nhiều quốc gia	26
Xuất khẩu gỗ và đồ nội thất của Italia vẫn ổn định bất chấp sự bất ổn toàn cầu	27
THAM KHẢO	28
Doanh nghiệp Israel cần nhập khẩu đồ nội thất, bàn ghế văn phòng, các loại sofa	28

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Các thông tin công bố đáng chú ý trong tuần vừa qua gồm: Kinh tế Mỹ tăng trưởng vượt dự báo trong quý III; ECB điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực Eurozone; Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay chủ chốt ở mức thấp kỷ lục trong tháng thứ 7 liên tiếp.

Tại Mỹ, theo Cơ quan Phân tích Kinh tế thuộc Bộ Thương mại Mỹ, Tổng sản phẩm quốc nội của nước này (GDP) quý 3/2025 ước tính tăng trưởng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất trong 2 năm so với 3,8% trong quý 2 và dự báo 3,3%. Sự tăng trưởng chủ yếu được hỗ trợ bởi sự gia tăng chi tiêu tiêu dùng, xuất khẩu và chi tiêu chính phủ. Theo đó, chi tiêu tiêu dùng của Mỹ tăng 3,5%, mức cao nhất từ đầu năm đến nay (quý 2 tăng 2,5%). Đầu tư cố định tiếp tục tăng mặc dù với tốc độ chậm hơn, tăng 1% trong quý 3 so với mức tăng 4,4% của quý 2. Ngoài ra, xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 8,8% trong quý 3 so với mức giảm 1,8% trong quý trước đó, trong khi nhập khẩu tiếp tục giảm 4,7% so với mức giảm 29,3% của quý trước. Chi tiêu chính phủ phục hồi với mức tăng 2,2% so với mức giảm 0,1% trước đó. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ đã giảm 10.000 đơn so với tuần trước, xuống còn 214.000 đơn trong tuần kết thúc ngày 20/12/2025. Các dữ liệu kinh tế khả quan đang củng cố dự báo Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ giữ nguyên lãi suất trong tháng 1/2026.

Tại Trung Quốc, trong bối cảnh các dữ liệu cho thấy kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay chủ chốt ở mức thấp kỷ lục trong tháng thứ 7 liên tiếp vào tháng 12/2025. Động thái này diễn ra sau khi PBOC giữ nguyên lãi suất repo ngược kỳ hạn 7 ngày ở mức 1,4% trong tháng này, hiện đang đóng vai trò là lãi suất chính sách chủ đạo, sau khi ngân hàng trung ương phát tín hiệu về nhu cầu sử dụng các biện pháp kích thích tiền tệ bổ sung giảm đi, khi nền kinh tế đang trên đà đạt mục tiêu tăng trưởng năm nay. Theo đó, PBOC giữ nguyên lãi suất cho vay ưu đãi kỳ hạn 1 năm và 5 năm ở mức 3% và 3,5. Lãi suất kỳ hạn 1 năm đóng vai trò là chuẩn mực cho các khoản vay mới, trong khi lãi suất kỳ hạn 5 năm giúp định mức lãi suất thế chấp. Trong khi đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Trung Quốc trong 11 tháng năm 2025 giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2024, xuống còn 693,18 tỷ NDT, tiếp tục chuỗi giảm sút bắt đầu từ tháng 5/2023, mặc dù mức giảm này là nhẹ nhất kể từ tháng 8/2023.

Tại châu Âu, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã giữ nguyên lãi suất vay trong cuộc họp thứ tư liên tiếp vào tháng 12/2025, với lãi suất tái cấp vốn chính vẫn ở mức 2,15% và lãi suất tiền gửi giữ nguyên ở mức 2,0%. Ngân hàng trung ương đã công bố các dự báo kinh tế mới, trong đó tăng trưởng kinh tế đã được điều chỉnh tăng lên 1,4% vào năm 2025, 1,2% vào năm 2026 và 1,4% vào năm 2027, dự kiến sẽ duy trì ở mức 1,4% vào năm 2028. Lạm phát chung được dự báo trung bình ở mức 2,1% vào năm 2025, 1,9% vào năm 2026, 1,8% vào năm 2027 và 2% vào năm 2028. Lạm phát đã được điều chỉnh tăng lên cho năm 2026, chủ yếu là do lĩnh vực dịch vụ.

Dù kinh tế thế giới đã chứng tỏ sức chống chịu đáng kể trong năm 2025, với tăng trưởng ổn định hơn dự báo nhờ các biện pháp kích thích và đầu tư vào công nghệ mới, nhưng trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều biến động từ các chính sách thương mại, căng thẳng địa chính trị, nhiều tổ chức quốc tế lớn như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đều đưa ra những dự báo thận trọng về kinh tế toàn cầu năm 2026. Theo báo cáo mới nhất của IMF được công bố vào tháng 10/2025, tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến giảm nhẹ từ 3,2% trong năm 2025 xuống còn khoảng 3,1% trong năm

2026. Tương tự, OECD trong báo cáo tháng 12/2025 dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ chậm lại ở mức 2,9% vào năm 2026, trước khi phục hồi nhẹ lên 3,1% vào năm 2027. WB dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng ổn định ở mức thấp khoảng 2,7% cho cả giai đoạn 2025-2026. Dù vậy, vẫn có những điểm sáng từ sự phục hồi ở một số nền kinh tế mới nổi và chính sách tiền tệ nới lỏng dần từ các ngân hàng trung ương lớn.

2. Kinh tế Việt Nam

Năm 2025, dù phải đối mặt với thiên tai lịch sử ở miền Trung và những biến động nhanh, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà phục hồi rõ nét. Theo Bộ Tài chính, tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt khoảng 8%, GDP bình quân đầu người ước đạt 5.000 USD, tăng 1,4 lần so với năm 2020, đưa Việt Nam vào nhóm nước thu nhập trung bình cao. Thu ngân sách nhà nước đến giữa tháng 12/2025 đạt khoảng 2,47 triệu tỷ đồng, vượt hơn 25% dự toán. Lạm phát khoảng 3,5%. Kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt trên 920 tỷ USD, xuất siêu hơn 21 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 4,15 triệu tỷ đồng, chiếm hơn 32% GDP.

Bước sang năm 2026, cho dù kinh tế toàn cầu dự báo giảm tốc và thương mại quốc tế còn nhiều bất định, nhưng với nền tảng đã tạo dựng và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam có cơ sở để kỳ vọng vào giai đoạn tăng trưởng bứt phá, bền vững.

Chỉ tiêu tăng trưởng GDP đạt mức 2 chữ số trong năm 2026 là mục tiêu khá cao, nhưng với sự quyết tâm cải cách của Chính phủ, nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân, năm 2026 được kỳ vọng trở thành điểm tựa quan trọng cho một giai đoạn tăng trưởng chất lượng cao hơn của nền kinh tế Việt Nam.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Canada trong tháng 12/2025 đạt 24 triệu USD, giảm 4% so với tháng 12/2024. Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Canada đạt 282 triệu USD, tăng 11,7% so cùng kỳ năm 2024.
- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén trong tháng 12/2025 đạt 113 triệu USD, tăng 30,8% so với tháng 12/2024. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén ước đạt 1,2 tỷ USD, tăng 49,7% so với năm 2024. Kết quả xuất khẩu gỗ viên nén đạt được trong năm 2025 rất khả quan, trong bối cảnh các doanh nghiệp gỗ đang nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng và đáp ứng các chứng chỉ xanh từ thị trường quốc tế.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025, đạt 397,4 triệu USD, tăng 8,5% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 227,6 triệu USD, giảm 4,7% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 12/2025 đạt 106,6 nghìn m³, trị giá 21,8 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 11/2025; so với tháng 12/2024 tăng 52,1% về lượng và tăng 46,1% về trị giá. Tính chung năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này đạt 1,11 triệu m³, trị giá 221,9 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và tăng 1,7% về trị giá so với năm 2024.
- Trong tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 59,4 triệu USD, giảm 14,4% so với tuần trước.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Ước tính, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ trong tháng 12/2025 đạt 25 triệu USD, tăng 17,3% so với tháng 11/2025 và giảm nhẹ 1,7% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong năm 2025, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ đạt 190,55 triệu USD, tăng 2,3% so với năm 2024.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, xuất khẩu sản phẩm gồm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 02/12/2025 đến 16/12/2025 đạt 11,43 triệu USD, tăng 5,4% so với kỳ trước (từ ngày 18/11/2025 đến 02/12/2025).

QUỐC TẾ:

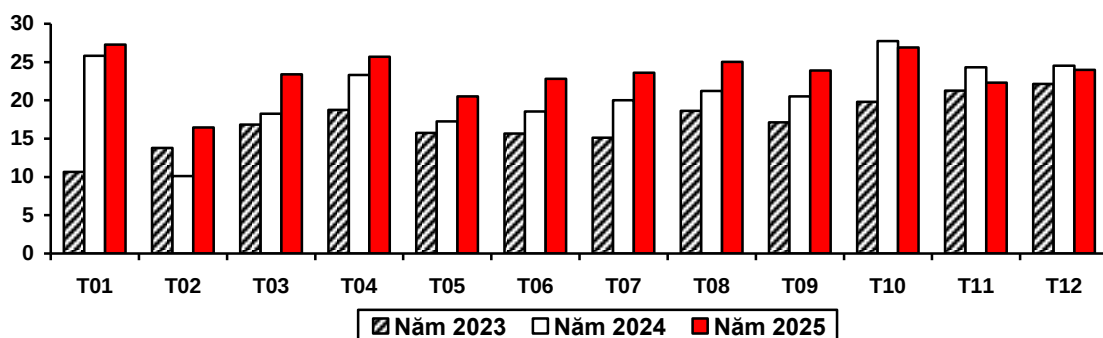
- **Thế giới:** Báo cáo Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) tháng 11/2025 chỉ ra rằng Ghana là quốc gia thí điểm duy nhất có chỉ số GTI vượt ngưỡng 50%, đạt mức 60,0% và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trước đó. Chỉ số của tất cả các quốc gia còn lại đều nằm trong vùng suy giảm (dưới 50%), trong đó Trung Quốc là 49,6%, Cộng hòa Congo là 49,6%, Braxin là 49,5%, Indonesia là 49,1% và Thái Lan là 49,1% ghi nhận các số liệu tiệm cận ngưỡng tới hạn. Ngược lại, Ecuador là 44,5%, Mexico là 44,3%, Malaysia là 33,2% và Gabon là 30,2% có chỉ số thấp hơn chỉ số tới hạn, báo hiệu sự sụt giảm rõ rệt trong ngành gỗ của các quốc gia này.
- **Italia:** Theo dữ liệu từ Trung tâm Nghiên cứu FederlegnoArredo, trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và nội thất của Italia đạt 12,7 tỷ Euro, duy trì mức ổn định với biến động giảm nhẹ 0,2% so với cùng kỳ năm 2024.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới thị trường Canada chiếm 86,9%

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Canada trong tháng 12/2025 đạt 24 triệu USD, giảm 4% so với tháng 12/2024. Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Canada đạt 282 triệu USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Canada năm 2023 - 2025 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan-số liệu ước tính tháng 12/2025

Đồ nội thất bằng gỗ tiếp tục là nhóm hàng chủ lực, chiếm tỷ trọng áp đảo trong cơ cấu xuất khẩu sang Canada. Trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 223,8 triệu USD, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm tới 86,9% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trong đó, ghế khung gỗ là mặt hàng có mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, đạt 78,6 triệu USD, tăng 21,0%. Tỷ trọng của mặt hàng này cũng tăng từ 28,6% lên 30,5%. Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 70,1 triệu USD, tăng 8,4%. Dù giảm mạnh trong tháng 11/2025, nhưng tính chung 11 tháng vẫn giữ được đà tăng trưởng tích cực; đồ nội thất phòng ngủ đạt 58,8 triệu USD, tăng 11,2%.

Ngoài ra, trong 11 tháng năm 2025, các mặt hàng khác cũng được xuất khẩu tới thị trường Canada như: Gỗ, ván và ván sàn ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với kim ngạch đạt 21,9 triệu USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp theo là mặt hàng cửa gỗ, dù kim ngạch xuất khẩu đạt 3,7 triệu USD, nhưng đây là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, với mức tăng là 38,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Bên cạnh đó, mặt hàng đồ nội thất nhà bếp, đồ gỗ mỹ nghệ và khung gương có xu hướng giảm trong 11 tháng năm 2025, với mức giảm tương ứng là 11,3%, 3% và 70%...

Nhìn chung, mặc dù tháng 11/2025 chứng kiến sự sụt giảm nhẹ ở hầu hết các phân khúc (ngoại trừ ghế khung gỗ), nhưng bức tranh tổng thể 11 tháng năm 2025 vẫn cho thấy sự nỗ lực của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam trong việc khai thác thị trường Canada. Việc tận dụng các lợi thế từ Hiệp định CPTPP tiếp tục giúp sản phẩm gỗ Việt Nam giữ vững vị thế tại khu vực Bắc Mỹ.

Tuy nhiên, sự sụt giảm mạnh trong tháng 11/2025 ở các mặt hàng như đồ nội thất văn phòng và đồ gỗ mỹ nghệ cho thấy những thách thức về biến động nhu cầu tiêu dùng cuối năm và áp lực cạnh tranh tại thị trường Canada.

Kết thúc năm 2025, hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Canada ghi nhận những kết quả tích cực, khẳng định vị thế của Việt Nam là một trong những quốc gia cung ứng đồ nội thất bằng gỗ quan trọng nhất cho thị trường này. Dựa trên đà tăng trưởng 13,4% trong 11 tháng năm 2025, ước tính tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cả năm 2025 đạt khoảng 282 triệu USD, tăng 12% so với năm 2024. Đây là kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh lạm phát tại các thị trường Bắc Mỹ vẫn còn diễn biến phức tạp.

Ở chiều ngược lại, nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Canada đang có xu hướng tăng, theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê Canada, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của thị trường này trong tháng 9/2025 đạt 190,5 triệu USD, giảm nhẹ 1,0% so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu mặt hàng này của Canada đạt 1,82 tỷ USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, cơ cấu thị trường cung ứng đồ nội thất bằng gỗ cho Canada trong 9 tháng đầu năm 2025 có sự phân hóa rõ rệt. Trung Quốc tiếp tục duy trì vị thế là nhà cung cấp lớn nhất, chiếm 35,2% tổng trị giá nhập khẩu. Trong 9 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 641,8 triệu USD, tăng 5,0% so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp theo là Liên minh Châu Âu (EU) đây là khối thị trường có mức tăng trưởng ổn định. Nhập khẩu từ EU đạt 324,4 triệu USD, tăng 12,5%. Trong đó, Italia tăng 9,1% và Ba Lan tăng 12,5% là những đối tác chính. Đáng chú ý, một số thị trường nhỏ như Litva tăng 63,9% và Rumani tăng 32,4%- mức tăng trưởng rất mạnh.

Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ và vươn lên vị trí nhà cung cấp lớn thứ 2 cho Canada (xét theo quốc gia đơn lẻ), vượt qua Mỹ. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada đạt 323,6 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng tới 18,8% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Canada tăng từ 15,6% lên 17,8%.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Trong khi đó, thị trường Mỹ ngược lại với xu thế chung, nhập khẩu từ Mỹ giảm mạnh. Trị giá nhập khẩu đạt 235,9 triệu USD, giảm 24,4% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng của Mỹ giảm từ 17,9% xuống còn 13,0%.

Ngoài ra, thị trường Canada cũng đang mở rộng nhập khẩu từ các quốc gia Đông Nam Á khác bên cạnh Việt Nam như: Malaysia đạt 88,5 triệu USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2024; Campuchia có mức tăng trưởng mạnh đạt 67,4% với trị giá 23,7 triệu USD; Mexico đạt 58,2 triệu USD, tăng 13,5%.

9 tháng đầu năm 2025, ngành gỗ Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh tại thị trường Canada, khẳng định vị thế nhà cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ hai tại quốc gia này.

Kết quả nổi bật và dịch chuyển thị phần: Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Canada từ Việt Nam tăng 18,8%, cao gấp hơn 4 lần mức tăng trưởng chung của thị trường là 4,3%; Thị phần của Mỹ suy giảm rõ rệt, tạo dư địa cho các nguồn cung có giá thành cạnh tranh từ châu Á. Việt Nam hiện đang tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan từ Hiệp định CPTPP để gia tăng sức cạnh tranh; Trong khi Việt Nam và Trung Quốc dẫn đầu về khối lượng, nhóm hàng cao cấp từ EU cũng tăng trưởng 12,5%, cho thấy sự phân hóa mạnh mẽ trong nhu cầu tiêu dùng tại Canada.

Triển vọng thị trường trong năm 2026. Thị trường Canada năm 2026 dự kiến tăng trưởng nhập khẩu từ 5 - 7%. Với lộ trình CPTPP, xuất khẩu gỗ Việt Nam sang đây có thể đạt mốc 350 - 400 triệu USD. Trong đó, ghế khung gỗ, nội thất phòng ngủ và đồ gỗ tháo lắp (RTA) tiếp tục dẫn dắt nhờ xu hướng "Home-office" ổn định. Bên cạnh đó, Canada sẽ siết chặt quy định về dấu chân carbon và tính bền vững. Sản phẩm có chứng chỉ xanh (FSC) và nguyên liệu tái chế trở thành điều kiện tiên quyết.

Do vậy, để duy trì đà tăng trưởng và đối phó với sự cạnh tranh từ Mexico và Đông Âu, các doanh nghiệp cần: Chuyển dần từ gia công theo mẫu (OEM) sang tự thiết kế (ODM) để tăng giá trị gia tăng và đáp ứng gu thẩm mỹ hiện đại của người Canada; Kết hợp gỗ với các vật liệu bền vững khác (mây, tre, kim loại tái chế) để tạo sự khác biệt so với hàng Trung Quốc đại trà; Tích cực tham gia các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tại các bang trọng điểm như Ontario, Quebec và British Columbia để kết nối sâu với các chuỗi bán lẻ lớn như IKEA, Leon's hay Sleep Country.

Tóm lại, năm 2026 sẽ là giai đoạn bản lề để ngành gỗ chuyển mình từ "lượng" sang "chất". Việc tuân thủ sớm các rào cản kỹ thuật về môi trường sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam giữ vững mức tăng trưởng hai con số tại thị trường này.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Canada tháng 11 và 11 tháng năm 2025

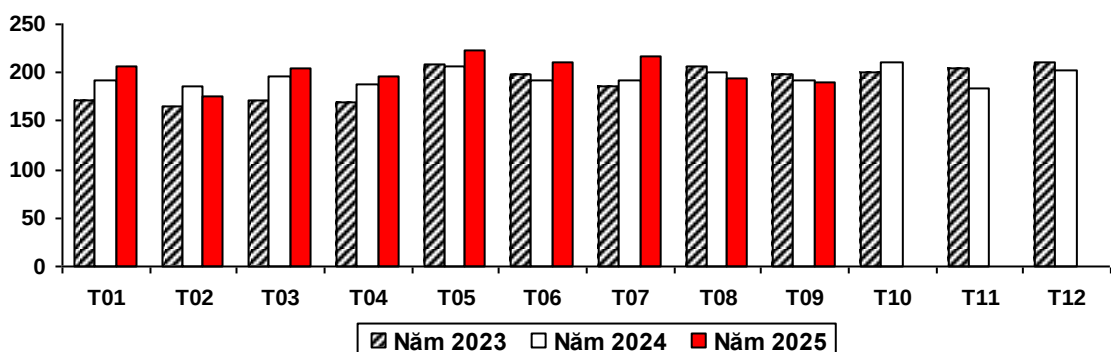
Mặt hàng	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	So với tháng 11/2024 (%)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2025	11 tháng năm 2024
Tổng	22.343	-8,1	257.706	13,4	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	19.643	-5,6	223.831	12,0	86,9	88,0
Ghế khung gỗ	6.966	14,2	78.642	21,0	30,5	28,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	5.460	-20,0	70.061	8,4	27,2	28,4
Đồ nội thất phòng ngủ	6.031	-0,1	58.845	11,2	22,8	23,3
Đồ nội thất nhà bếp	684	-22,2	9.707	-11,3	3,8	4,8

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	So với tháng 11/2024 (%)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2025	11 tháng năm 2024
Đồ nội thất văn phòng	503	-48,5	6.575	2,7	2,6	2,8
Gỗ, ván và ván sàn	1.615	-29,4	21.877	20,7	8,5	8,0
Cửa gỗ	304	-22,8	3.701	38,8	1,4	1,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	78	-66,0	916	-3,0	0,4	0,4
Khung gương	5	-67,5	26	-70,0	0,0	0,0

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

**Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Canada qua các tháng năm 2023 – 2025
(ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Cơ quan Thống kê Canada

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Canada nhập khẩu tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

Mã HS	Tên hàng	Tháng 9/2025 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2025	9 tháng năm 2024
Tổng		190.534	-1,0%	1.821.729	4,3%	100,0%	100,0%
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	63.310	-6,3%	614.746	0,7%	33,7%	35,0%
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	63.721	1,0%	584.831	5,2%	32,1%	31,8%
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	31.940	-2,7%	325.774	12,1%	17,9%	16,6%
940340	Đồ nội thất nhà bếp	12.173	16,3%	105.170	6,9%	5,8%	5,6%
940330	Đồ nội thất văn phòng	8.517	-7,0%	87.250	0,0%	4,8%	5,0%

Nguồn: Cơ quan Thống kê Canada

Canada nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 9/2025 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2025	9 tháng năm 2024
Tổng	190.534	-1,0	1.821.729	4,3	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 9/2025 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2025	9 tháng năm 2024
Trung Quốc	66.045	0,6	641.853	5,0	35,2	35,0
EU	35.782	4,6	324.399	12,5	17,8	16,5
<i>Italia</i>	17.368	10,0	131.018	9,1	7,2	6,9
<i>Ba Lan</i>	6.349	-2,6	68.273	12,5	3,7	3,5
<i>Lítva</i>	3.968	13,6	44.720	63,9	2,5	1,6
<i>Bồ Đào Nha</i>	1.960	3,3	17.198	15,8	0,9	0,9
<i>Đức</i>	1.314	-11,7	13.192	-11,8	0,7	0,9
<i>Rumani</i>	1.602	45,0	12.815	32,4	0,7	0,6
<i>Cộng Hoà Séc</i>	442	-14,4	7.199	6,4	0,4	0,4
<i>Tây Ban Nha</i>	519	-56,0	6.451	-18,3	0,4	0,5
<i>Slovakia</i>	493	48,1	5.957	56,1	0,3	0,2
<i>Pháp</i>	601	122,4	3.855	-36,3	0,2	0,3
<i>Đan Mạch</i>	222	-33,3	3.402	-16,8	0,2	0,2
<i>Thụy Điển</i>	267	-60,9	2.962	-53,7	0,2	0,4
<i>Látvia</i>	91	-16,8	1.333	33,6	0,1	0,1
<i>Hà Lan</i>	97	55,9	961	33,9	0,1	0,0
<i>Estonia</i>	125	53,0	865	46,7	0,0	0,0
<i>Bungari</i>	170	180,8	802	74,9	0,0	0,0
...						
Việt Nam	33.243	10,0	323.657	18,8	17,8	15,6
Mỹ	23.196	-30,8	235.955	-24,4	13,0	17,9
Malaysia	9.805	4,8	88.527	19,8	4,9	4,2
Mexico	6.432	17,5	58.244	13,5	3,2	2,9
Ấn Độ	3.365	23,4	29.439	-2,5	1,6	1,7
Indonesia	2.635	0,6	26.929	-3,1	1,5	1,6
Campuchia	2.932	26,6	23.741	67,4	1,3	0,8
Thái Lan	1.987	12,4	18.162	5,0	1,0	1,0
Braxin	1.385	0,1	13.055	-9,2	0,7	0,8
Thổ Nhĩ Kỳ	948	35,2	9.312	0,6	0,5	0,5
Đài Loan	502	-36,3	5.234	2,8	0,3	0,3
Na Uy	376	224,3	4.029	26,9	0,2	0,2
Anh	306	-2,4	3.600	27,1	0,2	0,2
Thụy Sĩ	383	409,5	2.553	309,1	0,1	0,0
Canada TN	165	-3,3	2.261	9,3	0,1	0,1
Hồng Kông	145	83,2	1.484	2,6	0,1	0,1
Philipine	143	-26,2	1.431	67,5	0,1	0,0

Nguồn: Cơ quan Thống kê Canada

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Canada đạt kim ngạch cao trong tháng 11 và 11 tháng năm 2025

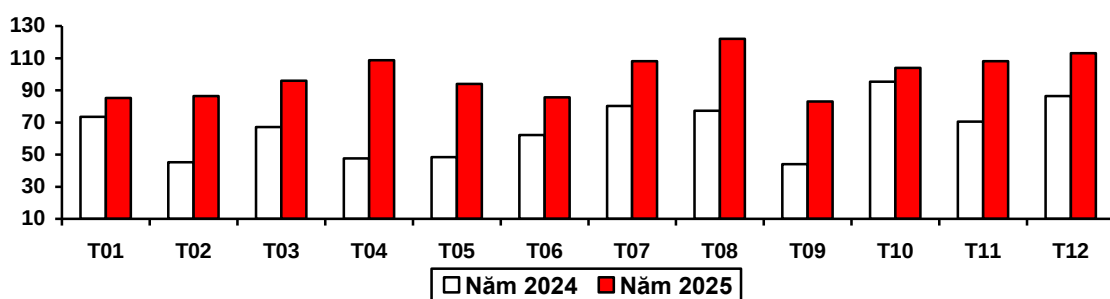
Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	1.443	16.019
CTY TNHH DANH ỨU	786	13.508
CTY TNHH TIMBERLAND	560	6.529
CTY TNHH IMITI	904	4.627
CTY TNHH GỖ HẢO HẢO	417	4.077
CTY TNHH UE FURNITURE VIỆT NAM	307	3.945
CTY TNHH DOANH ĐỨC	599	3.862
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	177	3.751
CTY TNHH TRANSFORMER ROBOTICS PTE	313	3.573
CTY TNHH TINH NHẬT PHẨM	267	3.396
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND TUYỀN QUANG	284	2.993
CTY CỔ PHẦN TEKCOM	47	2.837
CTY TNHH ĐỒ GỖ QUỐC TƯỜNG	452	2.809
CTY TNHH MING DIAN FURNITURE	212	2.723
CTY TNHH TAI SENG	59	2.657
CTY TNHH NỘI THẤT NEW FORTUNE.	180	2.507
CTY TNHH CN SEMCO PHÚ YÊN - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	175	2.351
CTY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG	197	2.312
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	59	2.143
CTY TNHH WIN WOOD VIỆT NAM	104	2.117
CTY TNHH SSR VINA	29	2.074
CTY TNHH MTV LEATHER MASTER	160	2.005
CTY TNHH GREAT VECA VIỆT NAM	68	1.914
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GRAND WOOD (VN)	176	1.876
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CA NA	231	1.858
CTY TNHH SX HÀNG TRANG TRÍ NỘI THẤT THÁI THỊNH	25	1.857
CTY TNHH LIFESTYLE FURNITURE	103	1.811
CTY CỔ PHẦN GREEN RIVER FURNITURE	221	1.776
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	67	1.736
CTY CỔ PHẦN VI NA G7	16	1.674
CTY TNHH QUẢNG HƯNG	94	1.620
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ LÂM	0	1.583

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén sang Nhật Bản tăng mạnh

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén trong tháng 12/2025 đạt 113 triệu USD, tăng 30,8% so với tháng 12/2024. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ viên nén ước đạt 1,2 tỷ USD, tăng 49,7% so với năm 2024. Kết quả xuất khẩu gỗ viên nén đạt được trong năm 2025 rất khả quan, trong bối cảnh các doanh nghiệp gỗ đang nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng và đáp ứng các chứng chỉ xanh từ thị trường quốc tế.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ viên nén của Việt Nam qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Cục Hải quan-ước tính tháng 12/2025

Cơ cấu thị trường xuất khẩu viên nén trong 11 tháng năm 2025 có sự dịch chuyển đáng kể. Nhật Bản là động lực tăng trưởng chính, đây là thị trường dẫn dắt toàn ngành với kim ngạch tháng 11 năm 2025 đạt 91,6 triệu USD, tăng 107,1%. Lũy kế 11 tháng năm 2025, gỗ viên nén xuất khẩu tới Nhật Bản đạt 834,5 triệu, tăng 84%. Đáng chú ý, tỷ trọng của thị trường này đã tăng mạnh từ 63,8% trong 11 tháng năm 2024) lên 77,2% trong 11 tháng năm 2025.

Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc, trái ngược với Nhật Bản, thị trường Hàn Quốc ghi nhận mức giảm mạnh. Tháng 11/2025 đạt 9,28 triệu USD, giảm 57,1% so với tháng 11/2024. Tính chung 11 tháng năm 2025, kim ngạch đạt 167,2 triệu USD, giảm 15,7%. Tỷ trọng của Hàn Quốc thu hẹp đáng kể, từ 27,9% xuống còn 15,5%.

Ngoài ra, gỗ viên nén còn xuất khẩu tới các thị trường khác như: Hà Lan ghi nhận sự tăng trưởng ổn định với kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng năm 2025, đạt 25,5 triệu USD, tăng 61,9%; đáng chú ý thị trường New Zealand là thị trường mới rất tiềm năng, đóng góp 1% vào tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 11,3 triệu USD; trong khi đó thị trường Reunion có dấu hiệu chững lại khi giảm 31,4% trong tháng 11/2025 và giảm nhẹ 1,1% trong 11 tháng năm 2025.

Sự tăng trưởng mạnh tại thị trường Nhật Bản cho thấy nhu cầu về năng lượng tái tạo và các cam kết về điện sinh khối tại quốc gia này đang tạo ra cơ hội lớn cho gỗ viên nén của Việt Nam. Tuy nhiên, việc phụ thuộc quá lớn vào một thị trường chiếm hơn 77% cũng tiềm ẩn những rủi ro nhất định.

Trong tháng cuối cùng của năm, dự báo kim ngạch xuất khẩu sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ nhu cầu sưởi ấm tại khu vực châu Âu đặc biệt là thị trường Hà Lan và các hợp đồng dài hạn với các nhà máy điện tại Nhật Bản.

Tiếp nối đà tăng trưởng mạnh của năm 2025, triển vọng xuất khẩu gỗ viên nén của Việt Nam năm 2026 được dự báo sẽ tiếp tục khả quan, tuy nhiên sẽ có sự chuyển

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

dịch mạnh về chất lượng và tiêu chuẩn bền vững.

Trong đó, Nhật Bản dự kiến sẽ duy trì vị thế là thị trường nhập khẩu lớn nhất, bởi các hợp đồng dài hạn (thường kéo dài 10-15 năm) từ các nhà máy nhiệt điện sinh khối tại Nhật Bản sẽ bảo đảm đầu ra cho các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, đến năm 2026, Nhật Bản có thể siết chặt hơn các quy định về chứng chỉ quản lý rừng bền vững (như FSC, PEFC), đòi hỏi doanh nghiệp phải minh bạch hóa 100% nguồn gốc nguyên liệu đầu vào.

Năm 2026 sẽ là cột mốc quan trọng khi Quy định EUDR bắt đầu áp dụng đầy đủ cho cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ (dự kiến từ tháng 6/2026). Mặc dù tỷ trọng hiện tại còn thấp, nhưng EU là thị trường có mức giá cao nhất. Để thâm nhập sâu hơn vào năm 2026, gỗ viên nén của Việt Nam bắt buộc phải chứng minh không gây mất rừng sau thời điểm 31/12/2020. Các doanh nghiệp không kịp chuyển đổi số, thiếu dữ liệu tọa độ vùng trồng sẽ gặp khó khăn lớn trong việc tiếp cận thị trường này.

Dự báo giá gỗ viên nén toàn cầu năm 2026 sẽ duy trì ở mức ổn định hoặc tăng nhẹ do chi phí chứng chỉ xanh và logistics. Ngành gỗ viên nén sẽ tiếp tục cạnh tranh gay gắt với ngành dăm gỗ về nguồn nguyên liệu phế phụ phẩm. Việc thiết lập các vùng nguyên liệu liên kết bền vững sẽ là yếu tố sống còn cho các nhà máy sản xuất quy mô lớn.

Nếu duy trì được tốc độ hiện tại và giải quyết tốt bài toán chứng chỉ, kim ngạch xuất khẩu viên nén năm 2026 hoàn toàn có thể duy trì vững chắc trên mốc 1,2 - 1,3 tỷ USD.

Một số giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu gỗ viên nén trong thời gian tới như:

Tập trung hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc và dữ liệu GPS vùng trồng.

Đầu tư công nghệ giảm hàm lượng tro và tạp chất để đáp ứng phân khúc viên nén chất lượng cao.

Tận dụng các hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP) để tối ưu hóa thuế quan khi xuất sang các thị trường mới.

Mặt hàng gỗ viên nén xuất khẩu tới các thị trường trong tháng 11 và 11 tháng năm 2025

Thị trường	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	So với tháng 11/2024 (%)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2025	11 tháng năm 2024
Tổng	108.034	53,2	1.081.098	52,0	100,0	100,0
Nhật Bản	91.644	107,1	834.556	84,0	77,2	63,8
Hàn Quốc	9.287	-57,1	167.246	-15,7	15,5	27,9
Reunion	3.093	-31,4	41.875	-1,1	3,9	6,0
Hà Lan			25.512	61,9	2,4	2,2
New Zealand	3.933		11.312		1,0	0,0
PN.Guinea	76	-6,7	415	19,8	0,0	0,0
Malaysia	2	-93,8	96	-56,6	0,0	0,0
Đài Loan			62	-86,8	0,0	0,1
Thái Lan			9	-84,5	0,0	0,0
Philippine			7	-51,1	0,0	0,0
UAE		-100,0	6	236,4	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025, đạt 397,4 triệu USD, tăng 8,5% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 227,6 triệu USD, giảm 4,7% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 176,5 triệu USD, tăng 7,6% so với tuần trước; Nhật Bản đạt 7,4 triệu USD, giảm 8,8%; Canada đạt 6,5 triệu USD, tăng 15,5%; Anh đạt 5,9 triệu USD, tăng 14,5%; Hàn Quốc đạt 4,6 triệu USD, giảm 8,3%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Giường tầng bb-t2903(1110*2120*1760)mm, gỗ linh sam, ván ép, ván mdf	Bộ	10	250,0	Cát Lái
	Ghế sofa weekend 190 - fixed - range l1 gỗ thông 3010-25-mona(w1900xd920xh810)	Cái	1	710,0	Cát Lái
	Bàn tilba pedestal 140 gỗ sồi để chân sắt 083-1105(w1600xd900xh750)	Cái	4	430,0	Cát Lái
	Tủ trang trí gỗ dương, mdf ,sắt.(ctco60ac-5-25).qc:1525*483*787mm	Cái	15	157,7	Cát Lái
Đan Mạch	Bàn vuông ah901 - 6 pers. Table (202.6x100.0x74.0 cm) - gỗ teak	Cái	50	418,6	Đồng Nai
	Ghế sofa corner open end đồ nội thất, được gỗ thông và ván ép, bọc vải, đã nhồi đệm, có chân ghế gỗ sồi (oak), qc: 268*198*81 cm.	Bộ	15	382,3	Cát Lái
	Kệ tivi, gỗ óc chó và ván dăm, kích thước 4480*590*2200mm.	Cái	40	410,0	Cát Lái
Đức	Bàn gỗ giá ty fsc, nhôm jimmy (2160x985x749.5)mm	Cái	12	276,5	Gemalink
	Kệ sách gỗ trầm và gỗ mdf kích thước:1960(h)x380(d)x1510(w)mm	Cái	20	176,0	Gemalink
	Tủ gỗ thông,1 bộ gồm tủ trên và tủ dưới,dùng trong phòng khách 1800x450x2200mm	Bộ	23	356,0	QT SP-SSA(SSIT)
	Ghế gỗ thông,dùng trong phòng bếp 1200x400x485mm, byn136.sl-d	Cái	50	86,7	QT SP-SSA(SSIT)
à Rập Xê út	Tủ (phòng bếp) 737d-3 (2000x500x850) mm gỗ cao su , gỗ dương, ván ép, ván mdf	Cái	10	215,0	Cát Lái
	Bàn dùng trong phòng ăn - item d984-35, ván mdf, ván ép, gỗ cao su, quy cách 3148*1116*762mm	Cái	8	195,9	Cát Lái
	Ghế băng 3 chỗ ngồi gỗ bạch đàn, kích thước 231x87x84.6 cm.	Cái	21	266,9	Qui Nhơn
Achentina	Tủ - (54*17*36 1/4)", rtg5888-sv - (gỗ trầm, ván mdf, plywood, gỗ dương,nguyên liệu mua vn)	Cái	14	129,6	Cát Lái
	Bàn ăn - rtg5888-leg-k - (86*42*30.25)", (gỗ trầm, gỗ cao su, gỗ dương, ván mdf)	Cái	16	127,7	Cát Lái
	Ghế sofa (tessaro hl) gỗ trầm, ván ép, nệm mousse bọc vải, quy cách (1490*890*450) mm và (1580*890*440) mm	Bộ	22	212,0	QT SP-SSA(SSIT)
Ai Len	Giường nệm cong sks, kích thước(1970x2225x1285mm), gỗ thông, gỗ sồi	Cái	15	307,2	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 31598-001 (760x2700x950mm)	Cái	25	371,1	Gemalink
	Tủ áo (sử dụng trong phòng ngủ) gỗ sồi + thông + mdf (1100 - 580 - 1950) mm	Cái	24	314,0	Gemalink
Anh	Giường gỗ sồi,thông jld-db05h/v3p qcsp:2040 x 1500 x 1050 mm	Cái	31	519,4	Cát Lái
	Kệ trưng bày dùng cho nhà bếp 3042-26-1 (1034 x 390 x 2000)mm,(gỗ beech xẻ,gỗ oak xẻ, mdf, pb, ván lạng gỗ sồi,ván lạng gỗ birch)	Cái	18	395,0	Gemalink
	Bàn, svh 28, dùng trong phòng ngủ, kt: (2000/2500x1000x780)mm, sản phẩm gỗ sồi (quercus) mua trong nước có nguồn gốc nhập khẩu và mdf veneer, mới 100%	Cái	4	391,1	Gemalink
	Ghế sofa 1 chỗ, bọc vải, vải tráng pu, ván ép, gỗ thông gf-8c-fra-l1-sw(33*36*34)"	Cái	10	336,7	Gemalink
	Tủ gỗ bằng: gỗ dương,gỗ keo acacia, ván lạng, mdf rd1443f01-25(1829x457x864)mm.dùng trong văn phòng	Cái	15	654,6	QT SP-SSA(SSIT)

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Ghế sofa-2250x990x860 mm,ttf250050#&550016968- gỗ thông, cao su và ván ép	Cái	14	591,3	QT SP-SSA(SSIT)
Australia	Bàn ăn 8901-01-0 iw33295(2000 x 1000 x 750.5)mm,(gỗ beech xẻ, gỗ oak, ván pb, ván lạng gỗ sồi)	Cái	4	249,0	Cái Mép
	Giường gỗ cao su (3046100wow), size (1850x2050(mattress size:1830x2030))mm	Cái	15	393,5	Cát Lái
	Bàn 078-11141 kora 220 oval gỗ óc chó (w2200xd1000xh750)	Cái	1	890,0	Gemalink
	Ghế sofa pensive 200 solid walnut frame - fixed - range l1 gỗ óc chó (w2000xd880xh780)	Cái	1	675,0	Gemalink
	Tủ đựng đồ item tc008-ch-b gỗ dương. (2200*458*700)mm.	Cái	10	778,5	KV. TP,HCM
	Kệ sách smoked bookcase 6 cửa, quy cách (3480 x 450 x 2450)mm gỗ trầm.	Cái	7	523,0	T.Hợp B.Dương
Bỉ	Bàn gỗ sồi 31633-003 (750x3000x1000mm)	Cái	20	430,8	Cái Mép
	Kệ treo tivi 31585-005 gỗ sồi 31585-005 (1050x830x570mm)	Cái	30	71,3	Cái Mép
	Ghế sofa corner open end đồ nội thất, được gỗ thông và ván ép, bọc vải, đã nhồi đệm, có chân ghế sắt, qc: 268*198*84 cm	Bộ	1	535,1	Cát Lái
	Tủ bob sideboard 185 (185*45*106h cm) gỗ sồi trắng	Cái	6	325,0	Gemalink
Các TVQ ở Rập thống nhất	Bàn argon -isla/ah36/mrbl/ qc: (1550x1030x400)mm gỗ cao su	Cái	30	252,2	Đồng Nai
	Tủ quần áo lyrah-wd (2517x600x2300)mm gỗ cao su, ván mdf	Cái	12	382,5	Cát Lái
	Ghế đôn có tựa lưng (có nệm đi kèm) gỗ trầm 900*820*660mm.	Cái	3	204,0	QT Cái Mép
Canada	Bàn gỗ óc chó, mdf, veneer (pma832044 f2), kt: 2100x1000x775	Cái	18	462,0	Cái Mép
	Giường gỗ óc chó, md, veneer (pma940037 f1), kt: 2160x1660x975	Cái	20	444,0	Cái Mép
	Tủ 20-3530(có bồn rửa tay,mặt trên đá nhân tạo) # oc27v60ww (914*560*952mmh) gỗ cao su,ván mdf	Cái	25	434,9	Cái Mép
	Kệ art0191 (w799 x d401 x 1783h)mm gỗ óc chó	Cái	20	253,3	Tân Cảng
Chilê	Ghế gỗ sồi, poplar, đã nhồi nệm) 017563-s2#&491262-tgo-l045-s2(1320x685x1117)mm	Cái	9	959,5	T.Hợp B.Dương
	Bàn kích thước (126x60x91)cm gỗ mít. Dùng trong phòng khách	Cái	4	150,0	Tiên Sa
Hà Lan	Giường gỗ linh sam,từ gỗ bạch dương, ván mdf bạch dương, mới 100%,hiệu: rh,dùng trong phòng ngủ, 89.5x89.5x48 inch (1pce = 3pk)	Cái	2	1.355,0	Cát Lái
	Bàn gỗ óc chó, kích thước 280x110x76 cm. Sản xuất tại việt nam, hàng mới 100%. Gỗ óc chó (juglans regia) mua tại việt nam	Cái	1	960,4	Gemalink
	Tủ comano (1050x460x770)mm sử dụng trong phòng ngủ ,nhãn hiệu hasena (gỗ óc chó)	Cái	12	304,9	Gemalink
	Ghế sofa 1p góc mã 4516, kích thước: 91*91*52cm gỗ keo xẻ	Cái	48	150,7	Gemalink
Hàn Quốc	Bàn tathra 180 gỗ sồi 052-1116(dia1800xd900xh750)	Cái	2	480,0	Cát Lái
	Giường không vạt 7341-54-5 (1585x2085x1139)mm,(gỗ walnut xẻ (gỗ óc chó xẻ),mdf,ván lạng gỗ óc chó)	Cái	50	346,0	Cont Spict
	Ghế sofa, đã nhồi đệm, bọc da, vải, khung ghế gỗ thông, ván ép plywood / size: 2600w990l950h(mm)	Cái	27	556,2	Hiệp Phước
	Kệ sách ván ghép gỗ cao su - size: (800 x 300 x 1522)mm.	Cái	7	87,5	Hiệp Phước
Hondura	Bàn dn02157.25, sử dụng trong nhà bếp, gỗ trầm, ván mdf. Qc:74 x 40 x 30"h.	Cái	30	106,0	Cát Lái
	Tủ trang điểm ván mdf ,ván pb ,ván ép ,gỗ trần b947-31 (1816,00 x 527.00 x 1081.00)mm	Cái	10	103,7	Cát Lái
Hy Lạp	Ghế sofa(2203*1080*1010)mmgỗ thông và gỗ cao su	Cái	8	219,6	Cát Lái
	Tủ trang điểm(1429*457*839) mm gỗ dương , gỗ cao su và gỗ thông	Cái	9	163,0	Cát Lái
	Bàn hình bầu dục, có thể kéo giãn gỗ, (240/180x120x75 cm) gỗ keo	Cái	100	112,7	Tiên Sa
Ixraen	Tủ 5764-40,dùng phòng khách,ván ép,mdf,gỗ cao su 1524x457x876mm	Cái	5	155,0	Cont Spict
	Giường tầng gỗ thông sử dụng cho phòng ngủ- 46,kt (2010*1359*1805)mm	Cái	30	182,0	QT Cái Mép
Malaysia	Bàn làm việc 6 học oak ván mdf, ván ép, gỗ dương, gỗ oak, mặt đá marble 355-061-1(1562x 476 x 762)mm.	Cái	14	431,8	Cát Lái
	Tủ có ô kéo ván mdf,gỗ sồi,hàng lắp ráp(1003x560x2145)mm,mã hiệu 40550330	Cái	13	385,0	Cát Lái
	Giường tropez king - int size 1850*1950mm- vải, miếng dán, ván ép, gỗ	Cái	20	286,2	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	dè gai, ash nk, đinh, ốc vít, sơn, thùng, gỗ cao su				
	Kệ sách ván mdf, gỗ sồi, ván venee(1897x442x1153)mm, mã hiệu 40550309	Cái	7	229,5	Cát Lái
	Ghế sofa bọc vải, khung gỗ thông đã nhồi nệm, quy cách: 1310*1310*780 mm	Cái	4	187,9	Cát Lái
Mexico	Bàn wes-5685580-mxc: 2338 x 965 x 766(mm) (dùng trong văn phòng, gỗ bạch đàn, ván mdf, ván lạng)	Bộ	3	227,0	Cát Lái
	Tủ tivi dùng trong phòng khách - item w5168-20, gỗ cao su, ván ép, ván mdf, quy cách 1801*458*560mm	Cái	108	102,8	Cát Lái
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông, đã nhồi nệm, 860*990*1060 mm	Cái	124	227,7	Gemalink
Mỹ	Tủ kệ gỗ dương liriodendron tulipifera, gỗ bạch đàn, gỗ dán, ván lạng, mdf, dùng trong phòng ngủ (2066x550x2350)mm.	Cái	1	4.643,1	Cái Mép
	Giường gỗ sồi, gỗ bạch dương, ván mdf bạch dương, trong phòng ngủ, 154.5x85.25x48 inch	Cái	1	2.471,0	Cái Mép
	Bàn gỗ cao su, gỗ ash, plywood, mdf, veneer (19 x 89 x 30)"	Cái	1	3.641,2	Gemalink
	Ghế sofa được gỗ thông, plywood, bọc nệm (72 x 248 x 36.75)" / 0303-cbr-202	Cái	1	6.071,0	Hiệp Phước
Nam Phi	Ghế gỗ sồi, ván ép bạch dương, sắt, đã nhồi nệm, mới 100%, 162.5x62x90.5 cm, mã: msmo2016-chlg-ab-ase-b174	Cái	2	1.032,0	Gemalink
	Bàn gỗ sồi, 120x120x46 cm, mã: mds01007-ci-exl-ab	Cái	1	629,0	Gemalink
New Zealand	Tủ gỗ sồi (220/45/78)cm	Cái	3	1.029,0	Cát Lái
	Ghế ondine plus 160 1-arm lhf - fixed - range l1 khung gỗ thông, chân sắt (w1600xd1100xh680)	Cái	3	765,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (136/136/76)cm	Cái	3	596,8	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (104/30/219)cm	Cái	3	507,9	Cát Lái
	Giường vv82.b05 (2325x1950x1200)mm gỗ trầm	Cái	10	292,0	Cát Lái
Nga	Tủ gỗ sồi, mdf, veneer (pma632054), kt: 1630x490x795 mm, dùng trong phòng khách.	Cái	15	622,0	Phước An
	Bàn gỗ sồi, mdf, veneer (pma822070), kt: 1520x750x720 mm, dùng trong phòng khách	Cái	15	474,0	Phước An
Nhật Bản	Ghế sofa (gỗ cao su) và ván ép, qcsp: (2440*1000*840)mm	Cái	1	1.330,0	Cát Lái
	Bàn dt80107l-22 gỗ sồi. Kích thước: 2200*900*715mm	Cái	1	921,1	Cát Lái
	Tủ quy cách (1800x560x2000)mm, gỗ cao su, ash, ván dăm, mdf	Cái	21	469,8	Cát Lái
	Kệ để thiết bị audio sn-2110la gỗ tần bì. Kích thước: 1100*450*531 mm	Cái	20	334,7	Cát Lái
Puerto Rico	Tủ 5 hộc dùng trong phòng ngủ gỗ trầm, gỗ dương, gỗ cao su, ván mdf, ván ép (1004*452*1300) mm	Cái	13	191,6	Cát Lái
	Giường gỗ cao su, mdf, plywood, vải... Quy cách: 2076*2083*2076mm	Cái	10	196,0	Gemalink
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông, đã nhồi nệm, quy cách 1080*1130*850 mm	Cái	14	306,6	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Pháp	Ghế gỗ cao su-ghế-caa30c-c4(1400x760x760)mm	Cái	1	714,1	Gemalink
	Bàn gỗ sồi 31497-006 (750x2700x950mm)	Cái	110	429,7	Gemalink
	Tủ vitrine 3 cửa charles, 1520x420x1210mm gỗ sồi, ván ép.	Cái	15	403,2	Qt sp-ssa(ssit)
	Giường hannah 160cm, 1675x2100x950mm gỗ sồi, ván ép	Cái	16	235,9	Qt sp-ssa(ssit)
	Kệ gaspard đơn, 930x325x1980mm gỗ thông, ván ép.	Cái	9	232,4	Qt sp-ssa(ssit)
Qata	Tủ(vnks-6cnoow005)gỗ cao su xẻ, ván sợi(mdf)(1800*475*794mm)	Cái	4	464,5	Cát Lái
	Ghế đã nhồi nệm(235-c2-0a-sc) gỗ sồi xẻ, ván sợi(mdf), ván ép(800*765*850mm)	Cái	6	181,7	Cát Lái
	Bàn 960-42/fny (qc:1215 x 560 x 755)mm (gỗ trầm, ván ép)	Cái	12	96,0	Cát Lái
Reunion	Bàn (1800x900x760)mm - gỗ trầm	Cái	24	242,1	Cát Lái
	Tủ (1200x600x420)mm - gỗ trầm	Cái	10	230,0	Cát Lái
Tây Ban Nha	Tủ tivi-turn table gỗ sồi-oak wood kích thước(46.5*158.5*52)cm, dùng trong phòng khách	Cái	100	226,6	Cát Lái
	Bàn l200-260 (w2600(600)xd1000x762h)mm, gỗ óc chó	Cái	67	373,6	Qt sp-

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
					ssa(ssit)
	Ghế gỗ , đan dây, 3 nệm tựa, 3 nệm ngồi, gỗ keo fsc 750x2040x690 mm	Cái	60	210,0	Qt sp-ssa(ssit)
Thái Lan	Ghế sofa sloopy 260 - loose - range s-f3 gỗ thông 3003-40-sah(w2600xd1020xh925)	Cái	1	540,0	Cát Lái
	Tủ kami 200 tv gỗ sồi 076-2401-10-ske(w2000xd450xh550)	Cái	2	370,0	Cát Lái
	Kệ farnsworth cao gỗ sồi/farnsworth tall shelf 040-2502-104-ske(w1200xd370xh1600)	Cái	2	280,0	Cát Lái
	Giường gỗ thông mav2442 (2058x1598x1668mm)	Cái	60	183,0	Cát Lái
	Bàn humla 152 tv gỗ sồi (w1525xd360xh450)	Cái	4	180,0	Cát Lái
Thụy Điển	Bàn gỗ thông pallet 775mm x 1400(1800)mm x 900mm	Cái	15	175,3	QT Cái Mép
	Tủ tivi gỗ thông pallet 550mm x 1750mm x 450mm	Cái	30	172,0	QT Cái Mép
Trung Quốc	Giường, item: ln-2243k (2098*1860*900)mm, gỗ linh sam	Bộ	100	137,0	Cát Lái
	Ghế gỗ óc chó đã cán trũng sơn mài - walnut dining chair, kích thước: 490*510*840mm	Cái	3	1.888,7	KV. TP,HCM
Uruguay	Giường lớn gỗ trầm,thông, mdf - ahf1202 acacia-king bed, kt: (d)1870x(r)2180x(c)1200mm	Cái	15	159,0	Phước An
	Tủ 6 hộc kéo gỗ trầm, mdf,ván ép - ahf1202 acacia-dresser, kt: (d)1500x(r)445x(c)840mm	Cái	16	139,0	Phước An

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Nhu cầu phục hồi, nhập khẩu gỗ thông được dự báo tiếp tục tăng trong nửa đầu 2026

Nhập gỗ thông từ thị trường New Zealand lớn nhất chiếm 24,7% tổng lượng nhập khẩu trong 11 tháng năm 2025, đạt 247,3 nghìn m³, trị giá 45,7 triệu USD, tăng 36,1% về lượng và tăng 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Tình hình nhập khẩu gỗ thông năm 2025

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 12/2025 đạt 106,6 nghìn m³, trị giá 21,8 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 11/2025; so với tháng 12/2024 tăng 52,1% về lượng và tăng 46,1% về trị giá.

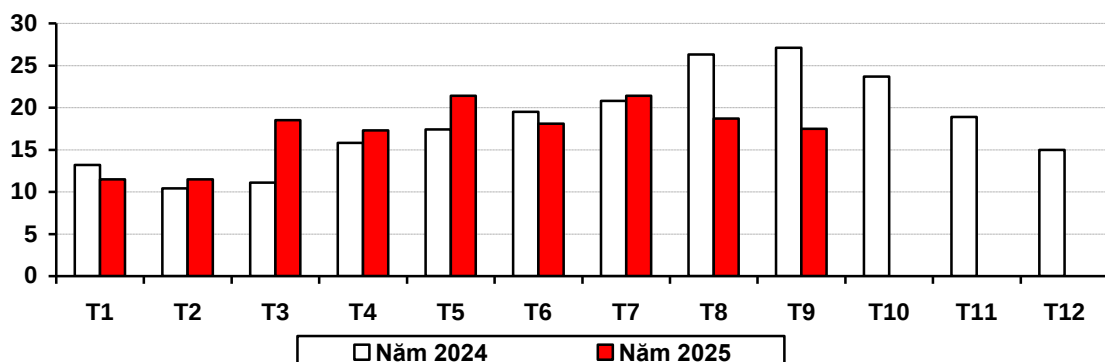
Tính chung năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này đạt 1,11 triệu m³, trị giá 221,9 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và tăng 1,7% về trị giá so với năm 2024.

Năm 2025, lượng gỗ thông nhập khẩu tăng mạnh hơn giá trị do giá nhập khẩu bình quân có xu hướng giảm. Điều này cho thấy nguồn cung gỗ thông trên thị trường thế giới đang khá dồi dào, cạnh tranh về giá diễn ra mạnh hơn. Trong bối cảnh giá xuất khẩu sản phẩm gỗ chưa tăng tương ứng, các doanh nghiệp trong nước đã chủ động lựa chọn nguồn nguyên liệu có giá hợp lý và kiểm soát chặt chi phí đầu vào để bảo đảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Trong thời gian tới, nhập khẩu gỗ thông được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng, đặc biệt trong nửa đầu năm 2026, khi nhu cầu nguyên liệu phục vụ các đơn hàng xuất khẩu sang Mỹ, EU và một số thị trường châu Á có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, mức tăng về trị giá nhiều khả năng vẫn thấp hơn tốc độ tăng về lượng do áp lực cạnh tranh giá còn lớn, chi phí logistics có xu hướng giảm và sự dịch chuyển sang các nguồn cung có mức giá cạnh tranh hơn. Cùng với đó, các yêu cầu ngày càng khắt khe về tính hợp pháp, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững sẽ tiếp tục định hình lại cơ cấu thị trường nhập khẩu, buộc doanh nghiệp ưu tiên những thị trường ổn định, minh bạch và đáp ứng tốt các tiêu chuẩn quốc tế.

Trị giá nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam qua các tháng năm 2024– 2025

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 11/2025 đạt 101,7 nghìn m³, trị giá 20,8 triệu USD, giảm 13,2% về lượng và giảm 11,0% về trị giá so với tháng 10/2025; so với tháng 11/2024 tăng 20,9% về lượng và tăng 9,9% về trị giá.

Tính chung 11 tháng năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này đạt 1,0 triệu m³, trị giá 200 triệu USD, tăng 10,8% về lượng và giảm 1,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, 11 tháng năm 2025, nhập khẩu gỗ thông loại xẻ đạt khối lượng 619,7 nghìn m³, trị giá 155,9 triệu USD, giảm 13,5% về lượng và giảm 13,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Nhập khẩu gỗ thông tròn đạt 383,1 nghìn m³, trị giá 44,1 triệu USD, tăng 103,5% về lượng và tăng 96,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Một số chủng loại gỗ thông nhập khẩu 11 tháng năm 2025

Thị trường	11 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	619.721	155.886	251,5	-13,5	-13,7	-0,2
Gỗ tròn	383.127	44.077	115,0	103,5	96,3	-3,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

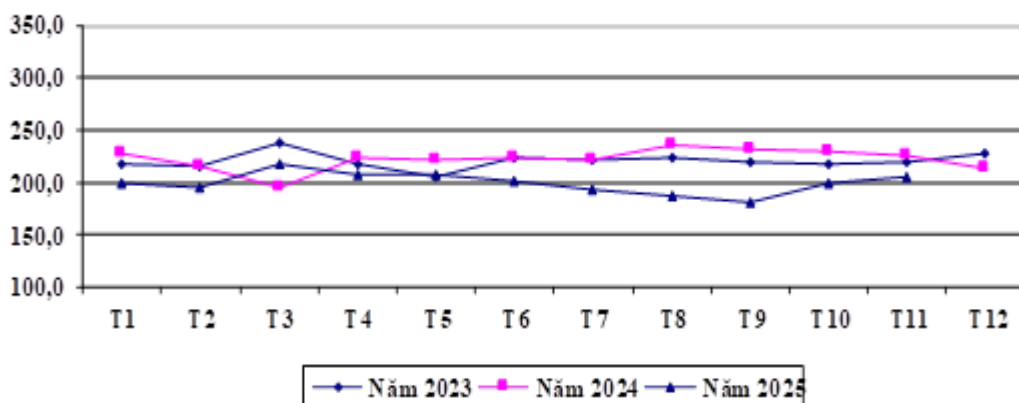
+ Về giá nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, giá nhập khẩu trung bình gỗ thông trong 11 tháng năm 2025 đạt 199,4 USD/m³, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ thông từ New Zealand giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2024, xuống 184,7 USD/m³; Mỹ giảm 1,1%, xuống 116,8 USD/m³; Braxin giảm 3,6%, xuống 221,1 USD/m³. Trái lại, nhập khẩu từ thị trường Chile tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2024, lên 242,5 USD/m³; từ Achantina tăng 6,3%, lên mức 240,2 USD/m³.

Giá gỗ thông nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2023 - 2025

(ĐVT: USD/m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

11 tháng năm 2025, lượng nhập khẩu gỗ thông từ hầu hết các thị trường New Zealand, Mỹ, Achantina, Australia, Trung Quốc, Côtxta Rica... tăng so với cùng kỳ năm 2024. Trong khi đó, nhập khẩu từ Chilê, Braxin, Urugoay, EU... giảm. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ thông từ thị trường New Zealand trong 11 tháng năm 2025 tăng 36,1% về lượng và tăng 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, đạt 247,3 nghìn m³, trị giá 45,7 triệu USD, chiếm 24,7% tổng lượng nhập khẩu.

Tương tự, nhập khẩu gỗ thông từ thị trường Mỹ cùng xu hướng, tăng 147,5% về lượng và tăng 144,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, đạt 203,9 nghìn m³, trị giá 23,8 triệu USD.

Nhập khẩu gỗ thông từ Achantina tăng 34,0% về lượng và tăng 42,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, đạt 68,5 nghìn m³, trị giá 16,4 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ thông từ một số thị trường khác tăng so với cùng kỳ năm 2024 như: từ Australia tăng 198,1%; Trung Quốc tăng 51,9%; Côtxta Rica tăng 133,3%...

Trái lại, lượng nhập khẩu gỗ thông từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2024 như: Chilê giảm 30,7%; Braxin giảm 25,0%; Urugoay giảm 14,6%; EU giảm 46,9%...

Trong 11 tháng năm 2025, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, cho thấy nhu cầu nguyên liệu phục vụ chế biến và xây dựng tiếp tục được củng cố. Nguồn cung có xu hướng tập trung mạnh vào các thị trường ổn định và có lợi thế về quy mô như: New Zealand, Mỹ... cho thấy vai trò ngày càng rõ nét trong cơ cấu nguồn cung. Bên cạnh đó, Achantina, Australia, Trung Quốc và Côtxta Rica ghi nhận mức tăng trưởng cao, góp phần đa dạng hóa và gia tăng tính linh hoạt cho chuỗi cung ứng.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Chilê, Braxin, Urugoay và EU sụt giảm, cho thấy sự điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trước biến động giá, chi phí logistics và các yêu cầu pháp lý ngày càng chặt chẽ về tính hợp pháp, bền vững của gỗ. Nhìn chung, nhập khẩu gỗ thông trong 11 tháng năm 2025 không chỉ tăng về quy mô mà còn cho thấy xu hướng tái cơ cấu thị trường theo hướng ưu tiên các nguồn cung ổn định, cạnh tranh về chi phí và phù hợp hơn với định hướng phát triển bền vững của ngành gỗ Việt Nam.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường cung cấp gỗ thông cho Việt Nam 11 tháng năm 2025

(ĐVT: Lượng m³; Trị giá: nghìn USD; Đơn giá: USD/m³)

Thị trường	11 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Lượng	Trị giá	Đơn giá	11T/2025	11T/2024
Tổng	1.003.003	200.023	199,4	10,8	-1,6	-11,1	100,0	100,0
New Zealand	247.301	45.677	184,7	36,1	15,8	-14,9	24,7	20,1
Mỹ	203.940	23.816	116,8	147,5	144,8	-1,1	20,3	9,1
Chilê	179.263	43.465	242,5	-30,7	-29,8	1,3	17,9	28,5
Braxin	145.566	32.179	221,1	-25,0	-27,7	-3,6	14,5	21,4
Achentina	68.477	16.445	240,2	34,0	42,5	6,3	6,8	5,6
Uruguay	43.373	10.585	244,1	-14,6	-18,0	-3,9	4,3	5,6
Australia	28.570	4.007	140,2	198,1	120,0	-26,2	2,8	1,1
Trung Quốc	26.353	10.055	381,6	51,9	46,8	-3,3	2,6	1,9
Côxta Rica	17.062	4.163	244,0	133,3	145,5	5,2	1,7	0,8
EU	14.584	3.650	250,3	-46,9	-48,2	-2,3	1,5	3,0
Phần Lan	5.369	1.379	256,9	-55,8	-54,0	4,1	0,5	1,3
Thụy Điển	4.338	1.058	243,8	-6,1	-8,3	-2,3	0,4	0,5
Estonia	1.571	440	280,2	-52,2	-58,6	-13,3	0,2	0,4
Hà Lan	1.202	348	289,3	-68,1	-65,0	9,8	0,1	0,4
Italia	639	122	191,1	1465,6	1318,0	-9,4	0,1	0,0
Tây Ban Nha	483	87	180,5	-44,4	-42,1	4,1	0,0	0,1
Slovenia	331	68	204,7	17,5	2,8	-12,4	0,0	0,0
áo	290	59	202,2	-65,7	-71,3	-16,3	0,0	0,1
Đức	197	48	245,5	-79,0	-78,1	4,1	0,0	0,1
Croatia	85	26	301,6	-6,8	-8,2	-1,5	0,0	0,0
Lítva	78	15	195,0				0,0	0,0
Côlômbia	8.730	1.637	187,5	56,1	14,3	-26,8	0,9	0,6
Canada	7.058	1.547	219,2	28,4	24,8	-2,7	0,7	0,6
Thái Lan	2.087	536	256,7				0,2	0,0
Hồng Kông	1.778	190	106,8	-43,4	-57,5	-24,9	0,2	0,3
Belize	1.136	302	266,1	116,0	99,9	-7,5	0,1	0,1
Nhật Bản	979	222	227,1	-48,3	-38,9	18,1	0,1	0,2
Nga	783	202	258,5	234,4	267,8	10,0	0,1	0,0
Singapore	707	142	200,9	-53,5	-65,0	-24,8	0,1	0,2
Andora	702	180	255,9	392,2	425,3	6,7	0,1	0,0
Lào	251	69	276,4	-63,4	-63,6	-0,4	0,0	0,1
Antigua and Barbuda	150	47	315,0				0,0	0,0
Marshall Islands	144	30	210,0				0,0	0,0
Đài Loan	142	42	297,4	-89,6	-87,8	17,1	0,0	0,2
Anguyla	123	52	418,0	204,6	202,0	-0,8	0,0	0,0
Đảo British Virgin	99	31	310,0	-6,6	23,2	31,9	0,0	0,0
Ukraina	58	20	350,0				0,0	0,0
Anh	47	8	165,0	-95,8	-96,9	-26,6	0,0	0,1
Kenya	43	10	230,0				0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025

Trong tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 59,4 triệu USD, giảm 14,4% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 22,2%; Đức giảm 0,2%; Pháp giảm 83,9%...

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 54,4%; Thái Lan tăng 20,5%; Cameroon tăng 804,9%; Bỉ tăng 14,6%; New Zealand tăng 90,0%; Chile tăng 16,5%... so với tuần trước.

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Kỳ từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025	So với tuần trước (%)
Tổng	59.442	-14,4
Trung Quốc	17.369	-22,2
Mỹ	17.075	54,4
Thái Lan	4.048	20,5
Cameroon	1.703	804,9
Bỉ	1.608	14,6
New Zealand	1.401	90,0
Côngô	1.347	
Chile	1.341	16,5
Croatia	1.225	112,0
Nga	1.087	6,9
Đức	1.045	-0,2
Lào	1.029	10,5
Braxin	868	9,7
Nam Phi	817	
UruGuay	731	38,2
Nigeria	642	1473,0
Australia	623	15,1
Indonesia	442	162,1
Pháp	409	-83,9
Gabon	407	
Achentina	382	121,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 16/12/2025 đến 23/12/2025

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ đục cần xẻ dày 19 mm, rộng 184 mm, dài từ 1830 mm	107	198,0	Canada	Đình Vũ	CIF
Gỗ óc chó xẻ dày 25.4mm, dài 1.52- 3.04m, rộng 0.076- 0.305m	36	810,1	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn tròn đk: 30-88 cm, dài: 5.8m	82	151,0	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ 25mmx 100/150/200mmx 2400/5100mm	23	275,0	Braxin	Đình Vũ	CIF
Gỗ bạch dương xẻ 1100-2600mm*70-180mm*22-50mm	549	450,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ 25*190*2200 mm	4	306,5	Litva	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch dương xẻ dày 20mm, rộng 60-400mm, dài 2000mm	126	210,2	Trung Quốc	Cát Lái	C&F

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ bạch dương- xẻ sấy: 400-1500mm*1220mm*20mm	33	500,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ cẩm xe xẻ dày trên 6 mm	135	600,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ cà chít xẻ dày trên 6mm	12	360,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ cao su xẻ sấy 24 x 80 x 1100 (mm)	43	274,0	Malaysia	Cát Lái	CFR
Gỗ cẩm dài:220cm, rộng: 28cm, dày:26cm	19	240,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ chiêu liêu xẻ dày trên 6 mm	67	450,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ dạ hương xẻ dày trên 6mm	23	200,0	Lào	Quảng Bình	DAF
Gỗ dổi xẻ, dày:(12 -78)cm, rộng:(23-83)cm, dài:(1.9 -5.5)m	45	240,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ dẻ gai xẻ (23-28mmx 100-150mmx 2450-3450)mm	37	448,1	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (26mm*25.5cm-31.4cm*2.5m-3m)	34	327,9	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ 38mmx114.242-146.751mmx2000-3000mm	34	469,1	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy, QC:26/33/40/50/55mm x5-15cm dài từ 2.4- 3.4m	10	300,6	Đan Mạch	Cát Lái	C&F
Gỗ gổ dài 150cm, rộng 25cm, dày 15cm	225	280,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ gổ dài 240cm, rộng từ 35cm, dày từ 34cm	25	200,0	Kenya	Hải Phòng	C&F
Gỗ gổ dài: 235cm, rộng: 34cm, dày: 24cm	50	216,0	Nigieria	Hải Phòng	FOB
Gỗ gu xẻ dày từ 1.2- 8cm, rộng từ 3 - 30cm, dài từ 20 - 210cm	81	400,0	PN. Guinea	Thanh Hóa	DAF
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.70m - 2.40m, rộng từ 0.21m - 0.53m, dày từ 0.13m - 0.18m	20	245,0	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dài 2.5-2.9 m, dày 0,1-0,16m, rộng 0,3-0,5 m	20	360,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dày (14-16) cm, rộng (30-50) cm, dài (230 - 290) cm	88	220,0	Nam Phi	Định Vũ	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dày (14-16) cm, rộng (30-55) cm, dài (230 - 280) cm	22	250,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dày (14-16) cm, rộng (30-60) cm, dài (230 - 280) cm	22	300,0	Tanzania	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương dài 6.6m, đk 51cm	486	460,0	Hồng Kông	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương tròn, dài từ 240-620cm, đk từ 42-86cm	24	250,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ thô dài 210cm, dày 15cm, rộng 25cm	260	350,0	Ânggôla	Định Vũ	C&F
Gỗ lim đk: 60cm-98cm, dài: 3,2m-11,8m	80	237,6	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài 250cm, dày 43cm, rộng 46cm	20	250,0	Nigieria	Cảng Xanh	FOB
Gỗ lim, dài từ : (2.15 -2.85)m, rộng từ: (32-64)cm, dày từ: (14-63)cm	20	195,0	Nigieria	Cảng Xanh	FOB
Gỗ linh sam xẻ, sấy (22x125x3000-6000mm)	84	263,0	Estonia	Cont Spite	CPT
Gỗ mít đã xẻ dài từ 80-520cm, dày 5-50cm, rộng 6-50cm	22	182,8	Indonesia	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ, dài từ 5 feet, dày 4/4inch, rộng từ 4inch	126	413,0	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 25 x (127 - 356) x (2743 - 3048) mm	3	440,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ dài 70cm, độ dày 19mm	31	590,0	Ai Len	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi xẻ, dày 38mm x 100-390cm	31	712,8	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn Đk: 22-45.7cm, dài 2-3.7m	27	200,0	Trung Quốc	Cont Spite	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (30-73)cm, dài: (3-11.5)m	238	200,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (30-73)cm, dài: (3-11.6)m	837	200,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn- đk: 30-46cm, dài: 2.72-3.03m	130	390,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ tần bì tròn đk:(25.4-55.9)cm, dài:(2.1-4.9)m	116	200,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk:(30-57)cm, dài:(3.9-9.3)m	27	200,0	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk:(31-63)cm, dài:(3-11.5)m	152	200,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn, đk 25-99cm, dài từ 2.8m	206	170,4	Pháp	Định Vũ	CIF
Gỗ tần bì xẻ sấy, dày: 25.4mm, dài: 1,2-3,7m, rộng: 7-35cm	16	390,1	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ tuyết tùng xẻ 21x89x1830-4880mm	106	228,0	Canada	Cát Lái	C&F
Gỗ thông trắng xẻ dày: 32 mm up; rộng: 100 mm up; dài: 2100 mm - 6000 mm	139	215,0	Phần Lan	Cát Lái	CPT
Gỗ thông tròn đk: 30cm, dài 4m.	164	143,1	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn dài 2.5m, đk 30cm	119	143,0	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ thông xẻ (22 x 145 x 2745-3355) mm	48	235,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22 x 75mm, dài 3,66m	96	200,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dài 22mmx 100mm- 200mmx 2440-3660 mm	95	232,0	Achentina	Cát Lái	C&F

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ thông xẻ rộng 150mm, dày 50mm, dài từ 4.8-6m	82	196,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 32mm, dài (3.200-3.960m)	233	220,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ: 50mmx 100mmx (3,6m - 6,0m)	36	158,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông, 22-50 x 75-200 x 1200-1500 mm	101	180,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ QC:(1525-3660mm * 76.2-381mm * 25.4mm)	60	420,4	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ sấy QC: 26mmx 10-47cm dài từ 2.2-3.4m	6	658,8	Đan Mạch	Cát Lái	C&F
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm, dài 5,7m	154	155,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn teak 100% FSC, dài: 250 cm, chu vi: 90-99,9 cm	9	461,8	Panama	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam trắng xẻ sấy- dài 3300-5400*dày 32* rộng100mm	82	245,0	Phần Lan	Vũng Tàu	C&F
Gỗ vân sam xẻ sấy (25mm x 100mm x 3000mm-5400mm)	87	265,0	Látvia	Cont Spite	CFR
Gỗ vân sam xẻ, dày 19-95 (mm), dài 2990-3990 (mm)	146	183,0	Slovenia	Cát Lái	FCA
Gỗ xoan đào dài: 6.0M, đk: 90cm	398	306,0	Camêrun	Hải Phòng	CFR
Gỗ xoan hừi xẻ dày trên 6mm	13	250,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Ván dăm (35*1220*2440)mm	52	175,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván dăm 14x1220x2440 mm	363	130,0	Indonesia	Cát Lái	CFR
Ván ép MDF dày 9 mm (kích thước 9x2440x1220 mm)	100	385,0	New Zealand	Hải Phòng	CFR
Ván MDF - 1220*2440*14mm	426	145,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván MDF (15 x 1850 x 2460)mm	67	197,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

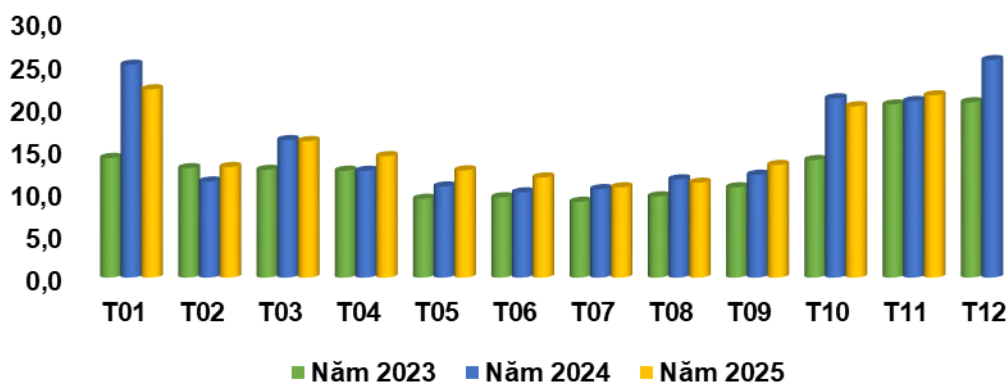
Năm 2025, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ ước đạt hơn 190 triệu USD

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 11/2025 tăng tháng thứ tư liên tiếp, đạt 21,32 triệu USD, tăng 6,4% so với tháng 10/2025 và 3,2% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ đạt 165,55 triệu USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Ước tính, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ trong tháng 12/2025 đạt 25 triệu USD, tăng 17,3% so với tháng 11/2025 và giảm nhẹ 1,7% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong năm 2025, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ đạt 190,55 triệu USD, tăng 2,3% so với năm 2024.

Tình hình xuất khẩu gỗ mỹ nghệ qua các tháng

(Đvt: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu chính

- Tháng 11/2025, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 17,06 triệu USD, tăng 18,1% so với tháng 10/2025 và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu chậu gốm sứ chiếm 68,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ, đạt 113,43 triệu USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2024.

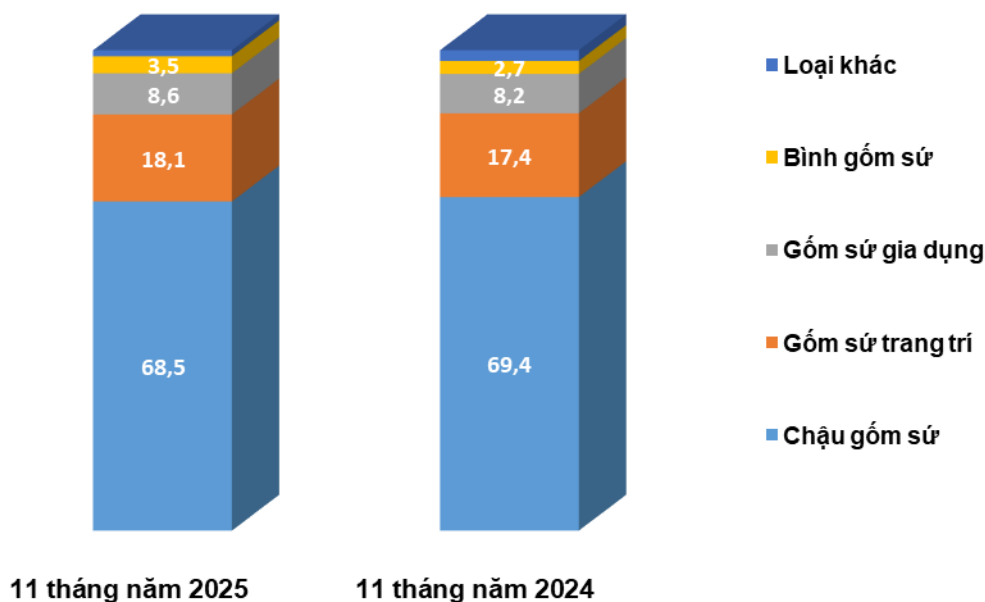
Tháng 11/2025, xuất khẩu chậu gốm sứ sang 2 thị trường chính là Mỹ và EU tăng so với tháng 10/2025 và so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu sang Mỹ đạt 42,63 triệu USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2024; ngược lại EU đạt 33,31 triệu USD, giảm 2,1%.

- Xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt 2,33 triệu USD trong tháng 11/2025, giảm 28,3% so với tháng 10/2025 và tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 11 tháng năm 2025, xuất khẩu chủng loại này chiếm 18,1% tỷ trọng, đạt 29,98 triệu USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 21,22 triệu USD (tăng 2,6%), Mỹ đạt 4,70 triệu USD (tăng 24,1%).

- Xuất khẩu gốm sứ gia dụng trong tháng 11/2025 đạt 1,20 triệu USD, giảm 23,7% so với tháng 10/2025 và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu gốm sứ gia dụng chiếm 8,6% tỷ trọng, đạt 14,21 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,83 triệu USD (tăng 11,4%), Mỹ đạt 2,56 triệu USD (tăng 22,7%), Hàn Quốc đạt 1,78 triệu USD (tăng 3,1%)...

Cơ cấu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

- **Thị trường EU:** Tháng 11/2025, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường EU đạt 8,80 triệu USD, tăng 4,6% so với tháng 10/2025 và 12,7% so với cùng kỳ năm

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU chiếm 35,1% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 58,05 triệu USD, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) vào EU trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 3,16 tỷ EUR, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, nhập khẩu từ nội khối chiếm 53,8% tỷ trọng, đạt 1,70 tỷ EUR, tăng 11,7%; ngoại khối chiếm 46,2% tỷ trọng, đạt 1,46 triệu EUR, tăng 15,4%.

9 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU từ các thị trường ngoại khối như Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, UAE, Nhật Bản, Indonesia, Bangladesh tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024; ngược lại, nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Mỹ giảm. Việt Nam đứng thứ tư (sau Trung Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ) trong các thị trường ngoại khối cung cấp gốm sứ mỹ nghệ cho EU, chiếm 2,0% tỷ trọng (tăng so với mức 1,9% của cùng kỳ năm 2024), đạt 63,995 triệu EUR, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2024.

- *Thị trường Mỹ:* Theo thống kê, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Mỹ trong tháng 11/2025 đạt 7,36 triệu USD, tăng 27,1% so với tháng 10/2025 và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ chiếm 32,3% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 53,54 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Theo dữ liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) vào nước này trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1,395 tỷ USD, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu là do nhập khẩu từ thị trường lớn nhất là Trung Quốc giảm 12,2% - tương đương giảm 118,99 triệu USD – bằng 132% tổng mức giảm nhập khẩu mặt hàng này vào Mỹ. Trong khi đó, nhập khẩu từ các thị trường chủ lực khác như Bồ Đào Nha, Italia, Thái Lan, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Nhật Bản tăng.

Nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Mỹ từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng nhẹ 3,6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 53,57 triệu USD, chiếm 3,8% tỷ trọng – tăng nhẹ so với mức 3,5% trong cùng kỳ năm 2024.

Thị trường xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 11 và 11 tháng năm 2025

Thị trường	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	So với tháng 10/2025 (%)	So với tháng 11/2024 (%)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng (%)	
						Năm 2025	Năm 2024
Tổng	21.317	6,4	3,2	165.550	2,9	100,0	100,0
EU	8.797	4,6	12,7	58.049	-0,1	35,1	36,1
Pháp	2.021	-37,3	-14,3	16.641	8,3	10,1	9,6
Hà Lan	1.023	-25,3	0,2	10.033	-8,6	6,1	6,8
Italia	669	-29,8	-18,7	8.717	-1,1	5,3	5,5
Đức	1.852	36,6	33,5	6.118	-8,0	3,7	4,1
Đan Mạch	1.086	235,7	154,6	5.103	38,7	3,1	2,3
Tây Ban Nha	264	-37,1	-47,6	2.902	-9,5	1,8	2,0
Bỉ	727	107,8	89,8	2.604	6,8	1,6	1,5
Ba Lan	230	61,0	-11,8	2.021	16,0	1,2	1,1
Thụy Điển	108	-19,4	-63,7	1.151	-45,7	0,7	1,3
Ai Len	86	182,8	36,5	735	2,8	0,4	0,4

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 11/2025 (nghìn USD)	So với tháng 10/2025 (%)	So với tháng 11/2024 (%)	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng (%)	
						Năm 2025	Năm 2024
Rumani	418	7.311,4	141,4	468	-9,5	0,3	0,3
Bồ Đào Nha	64	163,2	-	321	-29,4	0,2	0,3
Phần Lan	68	-	81,4	243	131,0	0,1	0,1
Croatia	38	-26,7	-28,7	225	-41,9	0,1	0,2
Hy Lạp	0	-	-	167	-5,3	0,1	0,1
Litva	34	-	-	119	20,9	0,1	0,1
Síp	0	-	-	100	19,8	0,1	0,1
Mỹ	7.630	27,1	11,6	53.543	6,8	32,3	31,2
Anh	2.190	-27,1	-37,3	22.669	10,6	13,7	12,7
Australia	704	-13,9	18,6	8.733	2,3	5,3	5,3
Hàn Quốc	225	-24,5	-39,4	2.685	-15,8	1,6	2,0
Nhật Bản	213	35,3	88,4	2.219	-12,8	1,3	1,6
Trung Quốc	180	298,0	-45,5	2.009	-32,1	1,2	1,8
Canada	119	18,4	6,7	1.984	22,5	1,2	1,0
New Zealand	57	-41,5	10,5	1.748	6,0	1,1	1,0
Ấn Độ	128	-5,8	46,1	1.545	1,5	0,9	0,9
Na Uy	163	18,5	-2,1	996	-2,8	0,6	0,6
Chilê	90	-3,0	134,1	991	42,7	0,6	0,4
Braxin	140	260,8	-	909	36,9	0,5	0,4
Mexico	4	-94,7	-	725	405,8	0,4	0,1
Ixraen	78	298,5	-	692	487,5	0,4	0,1
UAE	25	-68,1	582,5	604	74,8	0,4	0,2
Thụy Sĩ	119	-39,7	-27,6	592	-54,5	0,4	0,8
Đài Loan	48	-	1.218,5	509	-37,8	0,3	0,5
Ả Rập Xê út	40	167,4	147,3	379	10,9	0,2	0,2
Nam Phi	2	-91,9	-91,0	330	7,4	0,2	0,2
Achentina	0	-100,0	-100,0	302	18,1	0,2	0,2
Kô-eot	43	-4,2	-8,7	301	56,8	0,2	0,1
Iran	0	-	-100,0	301	13,3	0,2	0,2
Campuchia	60	-	70,8	290	-32,4	0,2	0,3
Indonesia	35	-	925,4	157	89,5	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Xuất khẩu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ ngày 02/12/2025 đến 16/12/2025)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 02/12/2025 đến 16/12/2025 đạt 11,43 triệu USD, tăng 5,4% so với kỳ trước (từ ngày 18/11/2025 đến 02/12/2025). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu châu gốm sứ đạt 9,12 triệu USD, tăng 0,1%; gốm sứ trang trí đạt 1,12 triệu USD, tăng 23,4%; gốm sứ gia dụng đạt 875 nghìn USD, tăng 92,1%...

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ được xuất khẩu sang 47 thị trường. Một số thị trường đạt kim ngạch cao trong kỳ như: Mỹ đạt 3,37 triệu USD, giảm 23,7% so với kỳ trước; Anh đạt 1,37 triệu USD, giảm 5,7%; Đức đạt 969 nghìn USD, tăng 21,6%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Thác nước bằng gốm trang trí ngoài trời, bộ 2 (L.75 x W.75 x H.72; L.108 x W.108 x H.30) cm, xuất khẩu sang thị trường New Zealand có giá 395,1 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); chậu đất nung 5-6176 AN (SET 3- 88*91; 60*77; 41*62 cm), xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 250,1 USD/bộ (FOB cảng Gemalink); chậu gốm-Corfu Planter - Angkor Grey - S/2, chất liệu gốm trắng men, kích thước (83 x 60, 59 x 43)cm, xuất khẩu sang thị trường Anh có giá 238,6 USD/bộ (FOB cảng Gemalink); chậu gốm trồng cây bộ 4, quy cách: 70 cm x 73 cm, xuất khẩu sang thị trường Ả Rập Xê Út có giá 185,2 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép)...

Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Áo	Chậu gốm (38x38+30x28+24x20 cm)	Bộ	120	38,0	Gemalink
	Chậu gốm bộ 3 tròn (36.5*26; 29.5*21.5; 24*17.5) cm	Bộ	720	19,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 3 tròn (33*30.5; 27*25; 22*20.5) cm	Bộ	576	17,5	Cát Lái
	Tượng đất nung (30x42 cm)	Cái	150	15,6	Gemalink
Đan Mạch	Chậu bộ 2 gốm sân vườn, quy cách: (D54/38H74/52) cm	Bộ	28	78,3	Cát Lái
	Chậu gốm tròn bộ 4 (50*46; 40*37; 33*30.5; 27*25) cm	Bộ	24	58,6	Gemalink
	Chậu gốm bộ 5, quy cách: 56*47/47*40/38*32/30*26/22*20 cm	Bộ	176	55,0	Cát Lái
Đức	Chậu bộ 2 bằng gốm có tráng men, quy cách: 42/25x80/52 và 71/48x64/43 (cm)	Bộ	16	97,4	Cái Mép TCIT
	Chậu đất nung trồng cây, trang trí bộ 5 (27/37/45/55/64 x 22/28/36/44/54 cm)	Bộ	48	58,6	Gemalink
	Đĩa gốm tròn có chân (43*61) cm	Cái	26	26,8	Gemalink
	Bát bằng sứ dùng trong nhà bếp, 30x30x8.5 cm	Cái	224	15,0	Cảng Xanh
	Đĩa gốm hình lá sen gắn con ếch (40*39*10) cm	Cái	108	12,6	Gemalink
Ả Rập Xê Út	Chậu gốm trồng cây bộ 4, quy cách: 70 cm x 73 cm	Bộ	6	185,2	Cái Mép
	Chậu gốm trồng cây các loại bộ 3, quy cách từ 52 cm đến 80 cm	Bộ	96	94,2	Cái Mép
	Chậu gốm trồng cây các loại bộ 2, quy cách từ 49 cm đến 84 cm	Bộ	84	68,2	Cái Mép
Anh	Chậu gốm-Corfu Planter - Angkor Grey - S/2, chất liệu gốm trắng men, kích thước (83 x 60, 59 x 43)cm	Bộ	6	238,6	Gemalink
	Thác nước bằng gốm trang trí ngoài trời, đã tráng men (47x50) cm	Cái	60	70,0	Cát Lái
	Chậu gốm đất giả cỏ, bộ 2, kích thước: 61 x 70 cm	Bộ	40	50,5	Cát Lái
	Bình gốm trang trí ngoài trời, đã tráng men bộ 2 (53x11, 31x51) cm	Bộ	220	48,7	Cát Lái
	Chậu gốm tròn bộ gồm 5 cái (48*42; 40*34.5; 31.5*28; 26*23; 20*19) cm	Bộ	30	45,1	Gemalink
	Bình gốm trang trí ngoài trời, đã tráng men (55x47)cm	Cái	244	35,9	Cát Lái
	Chậu gốm TE003L, kích thước 56 cm x 56 cm x 65 cm	Cái	36	26,8	Gemalink
	Chậu gốm đất phèn, bộ 4, kích thước: 53 x 44 cm	Bộ	40	26,4	Cát Lái
Australia	Bình gốm trang trí ngoài trời, đã tráng men (73x80) cm	Cái	186	113,6	Cát Lái
	Chậu gốm trang trí ngoài trời bộ 3, đã tráng men (72x84, 57x66, 45x52) cm	Bộ	118	85,0	Cát Lái
	Chậu gốm sứ bộ 4 - POTTERY, kích thước: (57x68; 47x54; 37x42; 28x31) cm	Bộ	12	78,5	Đồng Nai
	Thú bằng gốm trang trí ngoài trời, đã tráng men (L.70 x W.30 x H.65) cm	Cái	19	32,2	Cát Lái
	Bình hoa làm bằng gốm, kích thước: 35 x 35 x 35 cm	Cái	210	19,6	Cát Lái
	Chậu trứng sọc có chân bộ 4; D37x27Hcm; D29x22Hcm; D23x18Hcm; D18x14Hcm	Bộ	72	16,0	Cát Lái
Ba Lan	Chậu gốm-Talia Planter - Murano Sol - S/4, kích thước (55x51, 46x41, 36x32, 27x26) cm	Bộ	16	123,1	Cát Lái
	Chậu gốm-Calvados Planter - Blue Verdigris - S/3, chất liệu gốm trắng men, kích thước (57 x 49, 45 x 41, 34 x 33) cm	Bộ	16	121,9	Cát Lái
Ba Lan	Chậu gốm tròn bộ 4 cái (45*42; 37*35; 30*28.5; 24.5*23) cm	Bộ	250	49,5	Gemalink
	Chậu gốm tròn bộ 4 cái (40*42; 31.5*35; 24*27; 17.5*20) cm	Bộ	432	33,8	Gemalink
	Chậu gốm tròn bộ 4 cái (37*37; 30*30; 24*25; 19*19) cm	Bộ	270	29,8	Gemalink
	Chậu gốm tròn bộ 3 cái (36*32; 28*25; 22*20) cm	Bộ	1.080	25,8	Gemalink
Bỉ	Chậu gốm trồng cây bộ 2, quy cách: 54 cm x 86 cm	Bộ	24	63,6	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm trồng cây bộ 4, quy cách: 55 cm x 54 cm	Bộ	120	38,6	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm tròn bộ gồm 3 cái (40*37; 33*30.5; 27*25) cm	Bộ	144	38,4	Cát Lái
Canada	Chậu đất nung bộ 2, size: (78x75/ 60x48 cm)	Bộ	60	138,5	Cái Mép TCIT
	Chậu đất nung bộ 4, size: (77x52/ 51x39/ 42x30/ 35x21 cm)	Bộ	70	136,0	Cái Mép TCIT

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Croatia	Chậu đất nung bộ 3, size: (42x38/ 32x30/ 24x22 cm)	Bộ	190	40,0	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm trồng cây bộ 2 (size 40 cm x 30 cm, 29 cm x 24 cm)	Bộ	22	23,7	Cái Mép
	Chậu gốm ST 367655-02/RLS (65 x 54) cm	Bộ	12	85,4	Cát Lái
	Chậu gốm RG 316825-03/AMMT (37 x 25) cm	Bộ	20	45,8	Cát Lái
	Chậu gốm TC 344953-03/TC (50 x 54) cm	Bộ	48	31,1	Cát Lái
Georgia	Chậu gốm ST 372570-01/ME 54 x 70 cm	Cái	4	149,3	Gemalink
	Chậu gốm ST 367655-01/RLB 65 x 54 cm	Cái	12	89,1	Gemalink
	Chậu gốm ST 380762-01/RLE,RLM,RLS 35 x 62 cm	Cái	18	63,3	Gemalink
Hà Lan	Chậu gốm ST 391158/AQR (55X58) cm	Cái	45	79,8	Gemalink
	Chậu gốm dùng để trồng cây bộ 3, size: 51 x 77; 37 x 56; 25 x 38 cm	Bộ	32	78,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4 cái (28/37/48/62/52*H31/41/53/61 cm)	Bộ	11	74,4	Gemalink
	Tượng trang trí gốm ST 600355/ME (55 x 53 x 41) cm	Cái	24	56,2	Gemalink
Hong Kông	Chậu gốm, kích thước: D150 H100 cm	Cái	14	1.203,2	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm bộ 3, kích thước: D57 H96 cm	Bộ	8	98,8	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm đất nung, 1 bộ gồm 4 cái, 54-44-36-27cm, cao 65-58-51-43cm	Bộ	130	74,0	Cái Mép TCIT
Italia	Chậu gốm S/2 dùng để trồng cây, quy cách: D43/33, H66/55 cm	Bộ	42	52,2	Cát Lái
	Chậu gốm, kích thước: 48*51.5,38.5*39.5,31*31.5,25.5*24.5 cm	Cái	192	38,4	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4 tròn, kích thước: (38*35.5; 32*31; 26*26.5; 21*20) cm	Bộ	210	27,8	Cát Lái
Macau	Chậu đất nung, bộ 4, kích thước: 62x50; 48x38; 36x28; 27x22 cm	Bộ	144	58,3	Cát Lái
	Chậu đất nung, bộ 3, kích thước: 57x57x50; 48x48x41; 24x24x23 cm	Bộ	77	41,7	Cát Lái
	Chậu đất nung, bộ 2, kích thước: phi 45 x H56 cm	Bộ	168	41,0	Cát Lái
Mỹ	Chậu đất nung 5-6176 AN (SET 3- 88*91; 60*77; 41*62 cm)	Bộ	6	250,1	Gemalink
	Sản phẩm chậu gốm đất nung, 120 x 56,100 x 44,74 x 37,52 x 27 cm	Bộ	8	232,5	Cái Mép
	Chậu gốm-Corfu Planter - Angkor Grey - S/3, chất liệu gốm trắng men, kích thước (83 x 60, 59 x 43, 43 x 31) cm	Bộ	3	228,2	Cái Mép TCIT
	Chậu đất nung 5-6065-AN (SET 3- 82*89; 64*66;41*46 cm)	Bộ	10	215,0	Gemalink
	Sản phẩm chậu gốm đất nung, kích thước: 98 x 60, 74 x 46, 54 x 34 cm	Bộ	16	199,8	Cái Mép
	Chậu gốm-Avignon Planter - Crema Antico - S/4, chất liệu gốm trắng men, kích thước (66 x 80, 49 x 61, 31 x 42, 22 x 28) cm	Bộ	4	198,5	Cái Mép TCIT
	Chậu gốm trồng cây bộ 5, kích thước: 70 cm x 60 cm	Bộ	8	139,6	Cái Mép TCIT
	Bình gốm trang trí (47x55)cm	Cái	72	88,8	Cái Mép
	Chậu gốm đất nung bộ 5, quy cách: (62x47cm, 48x38cm, 37x30cm, 28x25cm, 20x19cm)	Bộ	65	85,0	Cái Mép
New Zealand	Thác nước gốm trang trí ngoài trời, bộ 2 (L.75 x W.75 x H.72; L.108 x W.108 x H.30) cm	Bộ	10	395,1	Cát Lái
	Thác nước gốm trang trí ngoài trời, bộ 2 (L.50 x W.50 x H.50; L.85 x W.85 x H.45) cm	Bộ	10	276,9	Cát Lái
	Chậu gốm (70x57) cm	Cái	12	97,7	Cát Lái
Pháp	Chậu gốm trồng cây bộ 2, quy cách: 44 cm x 60 cm	Bộ	60	58,8	Gemalink
	Chậu gốm bộ 3 tròn (42.5*45; 34*37; 26*29) cm	Bộ	40	41,0	Gemalink
	Chậu gốm trồng cây các loại bộ 3, quy cách từ 45 cm đến 55 cm	Bộ	32	39,4	Gemalink
	Chậu gốm bộ 4 tròn (37*36; 30*30; 23.5*24; 18*19) cm	Bộ	1.752	28,3	Gemalink
Singapore	Đôn trang trí bằng gốm trắng men, hình gổ, kích thước 210x320x70 mm	Cái	6	154,0	Hồ Chí Minh
Tây Ban Nha	Chậu gốm đất nung bộ 3 G5303, kích thước: 70 x 85 cm	Bộ	6	167,0	Cát Lái
	Chậu gốm đất nung bộ 4 G5004, kích thước: 70 x 85 cm	Bộ	22	137,6	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 7 G6007, kích thước: 83 x 70 cm	Bộ	6	132,8	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Báo cáo GTI tháng 11/2025: Nguồn cung nguyên liệu thô thất chặt tại nhiều quốc gia

Dẫn nguồn itto-ggsc.org, báo cáo Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) tháng 11/2025 chỉ ra rằng Ghana là quốc gia thí điểm duy nhất có chỉ số GTI vượt ngưỡng 50%, đạt mức

60,0% và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trước đó. Chỉ số của tất cả các quốc gia còn lại đều nằm trong vùng suy giảm (dưới 50%), trong đó Trung Quốc là 49,6%, Cộng hòa Congo là 49,6%, Braxin là 49,5%, Indonesia là 49,1% và Thái Lan là 49,1% ghi nhận các số liệu tiệm cận ngưỡng tới hạn. Ngược lại, Ecuador là 44,5%, Mexico là 44,3%, Malaysia là 33,2% và Gabon là 30,2% có chỉ số thấp hơn chỉ số tới hạn, báo hiệu sự sụt giảm rõ rệt trong ngành gỗ của các quốc gia này.

Các chỉ số phụ của GTI cho thấy Indonesia, Braxin, Ecuador và Trung Quốc đều ghi nhận sự gia tăng đơn đặt hàng mới so với tháng 10/2025. Ghana và Braxin đạt mức tăng trưởng ở cả khâu khai thác và sản xuất, phản ánh hiệu suất tích cực từ phía nguồn cung của hai quốc gia này. Tuy nhiên, lượng tồn kho nguyên liệu thô chính liên tục sụt giảm trong nhiều tháng liên tiếp tại Malaysia, Thái Lan, Braxin và Mexico, cho thấy nguồn cung nguyên liệu thô tại các nước này đang khá căng thẳng.

Tháng 11/2025 có những thay đổi đáng kể trong chính sách thương mại tại nhiều quốc gia và khu vực:

Tại Trung Quốc: Ngày 07/11/2025, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo nối lại hoạt động nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ kể từ ngày 10/11/2025, chấm dứt giai đoạn tạm ngừng kéo dài gần 8 tháng và tạo ra một biến số nguồn cung mới cho thị trường nhập khẩu gỗ của nước này.

Tại Gabon: Ngày 26/11/2025, Thượng viện lâm thời Gabon đã thông qua Dự luật Tài chính năm 2026 (PLF), thiết lập biểu thuế xuất khẩu phân tầng mới cho ngành gỗ dựa trên mức độ chế biến:

15% đối với sản phẩm chế biến sơ cấp.

10% đối với sản phẩm chế biến thứ cấp.

3,5% đối với sản phẩm chế biến cấp ba (chế biến sâu).

Báo cáo cũng nhấn mạnh những bước tiến quan trọng trong quản trị rừng bền vững:

Indonesia: Tại Hội nghị thượng đỉnh Lãnh đạo Belém (Braxin) ngày 6/11/2025, Đặc phái viên của Tổng thống Indonesia về Năng lượng và Biến đổi Khí hậu, tuyên bố Indonesia sẽ tích cực tham gia Quỹ Bảo tồn Rừng Nhiệt đới Vĩnh cửu (TFFF) và cam kết đóng góp mức ngân sách tương đương với khoản 1 tỷ USD của Braxin.

Malaysia: Ngày 10/11/2025, Bộ trưởng Bộ Trồng trọt và Hàng hóa Malaysia, phát biểu tại Triển lãm Gỗ Malaysia (MWE), tính đến tháng 10/2025, tổng cộng 5,85 triệu ha rừng của Malaysia đã đạt chứng nhận MTCS (được hệ thống PEFC công nhận), đưa Malaysia vào nhóm 10 quốc gia có diện tích rừng đạt chứng chỉ PEFC lớn nhất thế giới.

Ecuador: Ngày 27/11/2025, Bộ Môi trường và Năng lượng Ecuador đã trình bày những tiến bộ trong việc thực hiện chính sách REDD+ quốc gia, với 705.639 ha rừng tự nhiên đang được bảo tồn, 353.782 ha được quản lý bền vững, 36.080 ha được phục hồi và 101.660 ha áp dụng các hệ thống sản xuất bền vững.

Xuất khẩu gỗ và đồ nội thất của Italia vẫn ổn định bất chấp sự bất ổn toàn cầu

Dẫn nguồn globalwood.org, theo dữ liệu từ Trung tâm Nghiên cứu FederlegnoArredo, trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và nội thất của Italia đạt 12,7 tỷ Euro, duy trì mức ổn định với biến động giảm nhẹ 0,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Riêng phân khúc nội thất ghi nhận sự bứt phá đáng kể: sản lượng công nghiệp tháng 10 tăng 4,3%, đưa tăng trưởng lũy kế 10 tháng đầu năm 2025 lên mức 4,1%. Đây là dấu hiệu phục hồi tích cực sau giai đoạn suy giảm kéo dài của năm 2023 và 2024. Ngược lại, phân khúc gỗ sơ chế có diễn biến đi ngang với mức giảm nhẹ 0,3%.

Diễn biến tại các thị trường trọng điểm thị trường xuất khẩu cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực:

Các thị trường tăng trưởng: Hà Lan tăng 7,4%, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất tăng 4,7%, Anh tăng 4,2% và Tây Ban Nha tăng 1%. Đặc biệt, khu vực Châu Phi đạt mức tăng trưởng hai con số tăng 15,4% nhờ lực đẩy từ đầu tư xây dựng tại Maroc và Libya.

Các thị trường sụt giảm: Trung Quốc giảm mạnh nhất là 10,9% do khủng hoảng bất động sản. Các thị trường truyền thống khác như Pháp giảm 2,4%, Thụy Sĩ giảm 2,8% và Mỹ giảm 1,7% do nhu cầu tiêu dùng nội địa yếu và tác động của rào cản thuế quan.

Dự báo và định hướng chiến lược của Chủ tịch FederlegnoArredo, nhận định thị trường sẽ tiếp tục trạng thái ổn định trong nửa đầu năm 2026 và kỳ vọng khởi sắc hơn vào nửa cuối năm.

Để ứng phó với các bất ổn kinh tế, ngành gỗ và nội thất Italia đang chuyển dịch chiến lược sang:

Đa dạng hóa thị trường: Tập trung vào các thị trường mới nổi như Maroc, Thổ Nhĩ Kỳ và Bồ Đào Nha.

Nâng cao năng lực cạnh tranh: Ưu tiên đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D) và chú trọng chất lượng cao.

Xúc tiến thương mại: Tận dụng tối đa các sự kiện quốc tế như hội chợ Salone del Mobile để củng cố vị thế thương hiệu trên toàn cầu.

THAM KHẢO

Doanh nghiệp Israel cần nhập khẩu đồ nội thất, bàn ghế văn phòng, các loại sofa

Thương vụ Việt Nam tại Israel, một công ty Israel cần nhập khẩu các loại bàn ghế, nội thất văn phòng, sofa các loại.

Tên công ty: Kamah

ĐT: +972 50-2780488

Email: kamahoffice@gmail.com

Website: <https://kamah.co.il>

Người liên hệ: Mr. Ynon Fadlon, CEO and Purchasing Manager

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN

Giấy phép xuất bản: 36/GP-XBBT do Cục Báo chí – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025

Kỳ hạn xuất bản: Hàng tuần

In tại: Hà Nội